

PHÁP HOA NGHĨA KÝ

QUYỂN 4

PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

Danh mục của phẩm này chưa thể xác định tại đây. Làm sao biết được điều đó? Vì ý thí dụ vốn là vì người có căn tánh bậc trung nên dùng thí dụ để thuyết khai mở ba thừa và hiển thị một thừa. Tuy nhiên dùng pháp để thuyết khai mở ba thừa và hiển thị một thừa là để giáo hóa bậc thượng căn vẫn còn chưa xong sao được gọi đây là thí dụ thuyết ư! Sở dĩ tựa đề của phẩm này được đặt tại đây là vì Kinh gia phân quyển làm cho thích hợp. Tức là cắt phần còn lại thuộc pháp thuyết để sang trong phẩm này. Vì không muốn từng quyển có lớn nhỏ không phù hợp, cho nên mới đặt tên phẩm Thí Dụ vào đầu quyển hai của kinh Pháp Hoa. Nếu thực ra mà nói thì vị trí của phẩm phải tính từ “Xá-lợi-phất bạch Phật rằng! Thế Tôn con nay không còn nghi hối nữa” trở xuống mới thực là vị trí đích xác của phẩm Thí Dụ. Nếu dùng bốn đoạn của phần pháp thuyết làm tiêu chuẩn cho thí dụ bên dưới hóa độ người trung căn có bốn đoạn thì cũng nên có đầy đủ bốn phẩm: 1. Nếu dùng pháp để thuyết thì nên nói đây là phẩm “Pháp thuyết” tức không khác với việc giáo hóa người có căn tánh bậc trung trong phẩm Thí Dụ; 2. Nếu là đoạn “Lãnh thọ và hiểu” tức là nên nói chính là phẩm “lãnh thọ hiểu biết”, không khác với việc giáo hóa người có căn tánh bậc trung trong phẩm Tín giải. Nếu là đoạn thuật lại sự thành tựu tức nên nói “phẩm Thuật thành”, không khác với việc giáo hóa người có căn tánh bậc trung trong phẩm Dược Thảo Dụ. Nếu là đoạn thọ ký tức nên nói “Phẩm Thọ Ký”, không khác với việc giáo hóa người có căn tánh bậc trung như bốn đại đệ tử trong phẩm Thọ ký.

Nay, bốn đoạn của phần pháp thuyết sở dĩ không có như các phẩm vừa nêu là vì có ba nghĩa nhân duyên: 1. Ý chính là dùng dưới phân loại lên trên, nghĩa là: Trong phần thí dụ thuyết bên dưới có bốn phẩm nay dùng bốn phẩm này để phân loại phần pháp thuyết bên trên, thì nghĩa

có thể hiểu và chấp nhận được. Tức cùng nhau ảnh hưởng đây có kia không có mà ý thú tự nhiên hiển lộ; 2. Nghĩa, nói ra nhưng phần pháp thuyết do văn cú ít cho nên lại không lập ra bốn phẩm; 3. Nghĩa cũng có thể là người kết tập kinh hiểu được thâm ý của Phật chỉ làm hai mươi bảy phẩm. Thời gian và đại chúng ở hội Pháp Hoa lúc ấy đều hiểu và thích nghi, nếu như thay đổi tái lập lại thì với đại chúng không có ích gì. Tuy nhiên, ở phương kia, nước khác cũng đâu bó buộc hai mươi bảy phẩm vậy!

Trong phần dùng pháp thuyết nhằm khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa bậc thượng căn vốn có bốn đoạn. Từ đây trở xuống đến kệ là đoạn thứ hai nói rõ các bậc thượng căn đã lãnh nạp và hiểu thấu như Xá-lợi-phất v.v... Ở trước, phân tích đoạn pháp thuyết trong bốn đoạn ước lệ làm hai phần. Nay trong đoạn “lãnh nạp và hiểu rõ” cũng có hai phần: 1. Kinh gia trình bày tướng trạng được thấu hiểu của Xá-lợi-phất; 2. Chính là lời tường trình sự thấu hiểu của Xá-lợi-phất. Lại căn cứ trong hai phần này mỗi phần được phân làm hai. Phần đầu có hai: 1. Kinh gia trình bày nội tâm của Xá-lợi-phất vô cùng hoan hỷ; 2. Trình bày ngoại hình của Xá-lợi-phất một mực cung kính. Phần hai từ “liền đứng dậy, chấp tay mà bạch Phật rằng” trở xuống là trình bày lời tường trình sự thấu hiểu của Xá-lợi-phất. Phần này cũng có hai: Văn Trường hàng và kệ tụng.

Nay xét trong phần Văn Trường hàng tự có ba đoạn: 1. Nói rõ Xá-lợi-phất tự giải bày mình được thấu hiểu cho nên hoan hỷ; 2. Từ “Đó là lỗi của chúng con chứ chẳng phải Thế Tôn” trở xuống đến “suy nghĩ thủ chứng” tức là nêu lên sự ăn năn tự trách mình; 3. “Con từ xưa đến nay” trở xuống đến Văn Trường hàng là tổng kết việc lãnh nạp hiểu rõ.

Lại căn cứ ở ba đoạn này mỗi đoạn được phân làm hai phần: Tuy nhiên ước lệ phần một không chia ra. Phần hai lại chia làm hai. Hai phần của đoạn đầu: 1. Chính nói rõ sự lãnh hiểu; 2. Từ “vì sao” trở xuống nêu lên hình ảnh ưu sầu xưa kia để giải thích sự hoan hỷ ngày nay. Thuở xưa do đã có hối tiếc có nghi ngờ cho nên thường ưu sầu, nay do nghi, hối đã được đoạn trừ cho nên sanh tâm hoan hỷ. Căn cứ ở phần giải thích này theo ước lệ trên được phân làm hai ý: 1. Nêu lên sự hối tiếc xưa kia; 2. Nêu lên sự nghi ngờ xưa kia. Từ “vì sao” trở xuống đến “đánh mất vô lượng tri kiến của Như Lai” là tụng hình ảnh hối tiếc xưa kia để giải thích sự hoan hỷ hôm nay. Đây là hiển bày tướng trạng được hiểu biết hiện nay. Lấy gì để biết như vậy? Vì xưa kia, khi ở hội Đại Phẩm đích thân thấy các Bồ-tát nhận học Đại thừa và được thọ ký thành

Phật. “Mà chúng con chẳng dự vào việc đó”, ví như hối tiếc không nhận lấy Đại thừa; tự rất cảm thương đáng thương! “Vô lượng tri kiến” tức là quả Phật. Rõ ràng, quả Phật này chính là điều hối tiếc ngày xưa không giữ lấy. Từ “Thế Tôn, con thường ở chỗ một mình” trở xuống đến “mà thấy sự tế độ” là nêu lên trạng thái nghi ngờ xưa kia để giải thích tương trạng hoan hỷ ngày nay “đã thật có pháp Đại thừa, chúng con đều đồng vào lý vô sanh, tại sao đức Như Lai dùng pháp Tiểu thừa hóa độ con, mà dùng pháp Đại thừa hóa độ người kia” đây tức là dùng lý làm mờ giáo khiến sanh tâm nghi hoặc này.

Hai phần của đoạn thứ hai hối lỗi tự trách mình là: 1. “Nhưng đó là lỗi của chúng con chứ chẳng phải Thế Tôn” chính là tổng quát nói hối lỗi tự trách mình; 2. “Vì sao” trở xuống là nêu lên chi tiết giải thích tổng quát ý hối lỗi nên nói “xưa kia thường nói: Chúng con đồng nhập vào pháp tánh tại sao Như Lai dùng pháp Tiểu thừa để hóa độ con, mà dùng pháp Đại thừa để hóa độ người kia (Bồ-tát). Chúng con thường oán trách Như Lai không có tâm bình đẳng. Nay mới biết con từ xưa không thể kham nhận tâm Đại thừa nên khiến Như Lai mới dùng phương tiện nói Tiểu thừa”. Căn cứ trong phần giải thích này theo ước lệ trên có hai ý: 1. Nói rõ hối tiếc ngày xưa không nhận lấy Đại thừa; 2. Hối tiếc ngày xưa giữ lấy Tiểu thừa. Ý thứ nhất từ “vì sao” trở xuống đến “chắc do Đại thừa mà được độ thoát”. “Sở nhân” tức nay nếu căn cứ vào quả Phật vô thượng so với vạn hạnh thì vạn hạnh chính là sở nhân của quả Phật. Nếu lại căn cứ vào vạn hạnh so chiếu với giáo Đại thừa, thì giáo Đại thừa tức là nhân của vạn hạnh. Lấy gì để biết như vậy? Vì do có giáo nghĩa của Đại thừa nên sanh ra vạn hạnh và do có vạn hạnh nên chiêu cảm quả vị Phật. Nay trong đây nói về “sở nhân” tức là chỉ trình bày giáo nghĩa của Đại thừa làm nhân. Tuy nhiên, giáo riêng biệt của ba thừa cũng được thứ tự nói lên. Chẳng hạn như đến vườn Lộc uyển nói pháp Tứ đế; ở trong thành Vương xá nói pháp “mười hai nhân duyên” và sau đó nói giới kinh Ưu-bà-tắc. Thân tử tự nói “con xưa tại sao không đợi Như Lai thuyết giáo nghĩa của Đại thừa để rồi ở trong đó tự hành nhưng không hiểu rõ giáo nghĩa Đại thừa mà lại gấp gáp thọ nhận giáo nhỏ của ba thừa” Tức là hối tiếc xưa kia không nhận lấy giáo nghĩa Đại thừa. “Nhưng chúng con không hiểu phương tiện” trở xuống là ý thứ hai hối tiếc xưa kia đã giữ lấy giáo nghĩa Tiểu thừa. “Nếu con hiểu rõ Như Lai xưa kia dạy là phương tiện thì há lại giữ lấy giáo nghĩa Tiểu thừa! Do vì không hiểu quyền giáo phương tiện xưa kia của Như Lai cho nên vẫn ở trong đó mà tin tưởng và thọ nhận” tức là nêu lên sự hối tiếc xưa

kia giữ lấy giáo Tiểu thừa.

Hai phần trong đoạn kết sự lãnh hiểu là:

- “Con từ xưa đến nay” trở xuống đến “thường tự trách mình” là trước hết tổng kết nỗi ưu sầu xưa kia.

- Từ “mà nay từ Phật” trở xuống là kết luận ngày nay được hiểu cho nên sanh hoan hỷ.

Theo ước lệ trên phần này có hai ý: 1. Từ “mà nay từ Phật nghe chỗ chưa từng nghe” trở xuống đến hết “vui vẻ mà được an ổn” tức là nêu lên các việc ác đã trừ bỏ nên sanh tâm hoan hỷ; 2. “Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử” trở xuống là nói việc tốt đã thành tựu nên sanh tâm vui vẻ. Xưa kia nói hàng nhị thừa chắc chắn không thể thành Phật, không thể nối tiếp dòng dõi của Phật nên chẳng phải là Phật tử. Nhưng nay đã nói “sở hành của các ông là đạo Bồ-tát” chắc chắn có thể nối dõi giống Phật cho nên nói là Phật tử chơn thật.

“Mà nói kệ rằng” trở xuống là phần kệ tụng trong phần trình bày sự thấu hiểu của Xá-lợi-phất: Phần Văn Trường hàng ở trên vốn có ba đoạn: tự giải bày mình đã được hiểu, hối lỗi tự trách mình, tổng kết sự lãnh hiểu. Nay căn cứ ở hai mươi lăm hàng rưỡi kệ được phân làm bốn đoạn: 1. Mười một hàng rưỡi kệ, tụng đoạn thứ nhất ở trường hàng: tự giải bày v.v...; 2. Từ “con xưa chấp vào tà kiến” trở xuống năm hàng kệ, tụng đoạn thứ hai trường hàng: tự hối lỗi...; 3. Từ “ban đầu nghe Phật nói” trở xuống sáu hàng rưỡi kệ, tụng nghĩa ở ngoài mà không tụng lại phần Văn Trường hàng ở trên. Trong Văn Trường hàng ở trên trực tiếp nói rõ tướng trạng nghi, hối xưa kia và hoan hỷ ngày nay mà không nói ngày nay có nghi mới được đoạn trừ. Nay sáu hàng rưỡi kệ này nói rõ việc đoạn trừ nghi ngờ hôm nay. Do đó biết được không nêu lại phần Văn Trường hàng ở trên; 4. “Nghe âm thanh êm dịu (nhu nhuyễn) của Phật” trở xuống hai hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ ba trường hàng: kết luận sự lãnh hiểu.

Lại nữa, trong đoạn tự trình bày sự hiểu biết của mình của phần Văn Trường hàng trên gồm có hai ý: 1. Tự trình bày sự được hiểu của mình; 2. Nêu lên tướng trạng u buồn xưa kia để giải thích sự hoan hỷ hôm nay. Nay xét trong mười một hàng rưỡi kệ cũng có hai ý: 1. Hai hàng rưỡi kệ đầu chính là tụng ý thứ nhất trên; 2. Từ “con ở nơi hang núi” trở xuống chín hàng kệ, tụng ý thứ hai trên.

Trong hai hàng rưỡi kệ tự có ba phần: 1. Ba câu đầu chính tụng sự lãnh nạp hiểu biết. Đây chính là như văn ở trên nói “mà bạch Phật rằng: Nay từ “Thế Tôn nghe pháp âm này, tâm được phấn khởi chưa từng

có”; 2. “Lưới nghi đều đã trừ” trở xuống ba câu, tụng nói hoặc chướng diệt mất nên sanh khởi hiểu rõ. Nhưng hoặc chướng diệt mất mà sanh hiểu biết là do nhờ ở Phật; 3. “Âm thanh của Phật hiếm có” xuống một hàng kệ là khen ngợi Như Lai và kết luận mình được lãnh hiểu.

“Con ở trong hang núi” trở xuống chín hàng kệ nêu lên tướng trạng ưu sâu xưa kia để giải thích sự hoan hỷ ngày nay. Trong sự giải thích của Văn Trường hàng ở trên vốn có hai ý: Nêu sự hối tiếc xưa kia, và sự nghi ngờ xưa kia. Nay, xét trong chín hàng kệ này cũng được phân làm hai: 1. Sáu hàng kệ tụng việc hối tiếc xưa kia; 2. Ba hàng kệ tụng về nghi ngờ xưa kia. Nay, căn cứ trong sáu hàng kệ, tụng sự hối tiếc xưa tự có ba phần: 1. Một hàng rưỡi kệ tụng nêu ra nơi hối tiếc tức chính là tụng hối tiếc; 2. Ba hàng nêu ra pháp hối tiếc xưa kia; 3. Một hàng rưỡi kệ tổng kết việc sanh tâm hối tiếc.

Trên Văn Trường hàng chưa biết đích xác thời gian chỗ nào sanh nghi hối này nay trong kệ tụng mở rộng ra cho nên nêu ra nơi nghi, hối. Chỉ có ở trong hang núi và rừng sâu toạ thiền hành đạo nên khi ấy mới phát khởi tâm nghi hối và sanh ý oán than. Lấy gì để biết như vậy? Vì “Như Lai xưa kia chỉ thọ ký cho các Bồ-tát được thành Phật mà không nói Thanh-văn thành Phật”, do nghĩa này nên mới sanh tâm nghi hối. Tuy nhiên ở trong đại chúng hay ở hang núi cũng có sanh tâm nghi hối. Hối là hối tiếc “ta không cầu Đại thừa”. Nghi nghĩa là nói “đã đồng nhập pháp tánh tại sao Như Lai dùng pháp Tiểu thừa hóa độ con mà dùng pháp Đại thừa hóa độ Bồ-tát”. Pháp tánh đã giống nhau thì không nên có nhỏ, lớn sai biệt. Đây là lấy lý làm lu mờ giáo. “Lại nữa, Như Lai đích thân nói ba thừa giáo sai biệt thì lý của pháp tánh cần gì phải giống nhau” tức là lấy giáo làm lu mờ lý. Nay từ nhiều mà luận tức nghe rõ trong đại chúng mắt thấy tai nghe sự việc thù thắng của Bồ-tát cao khen ngợi đức cao hành sâu xa của bậc đại sĩ. “Mình đã không tham dự trong hàng ngũ đó, thì bấy giờ chỉ được phát khởi hối tiếc chứ không có thời gian khởi ý nghi hoặc. Nếu ở trong rừng núi, nơi thanh tịnh thì lúc ấy phần nhiều sanh tâm nghi hoặc.

“Chúng con cũng là Phật tử đồng nhập pháp vô lậu” trở xuống ba hàng kệ nêu ra pháp xưa kia hối tiếc, có ba ý: Ý đầu nói rõ sanh khởi lợi ích của việc thuyết pháp. Kế đến có một hàng kệ nói rõ sanh khởi công đức trong và ngoài của ba mươi hai tướng v.v... Sau đó, một hàng kệ nói rõ sanh khởi công đức trong và ngoài của tám mươi vẻ đẹp v.v...

“Khi con một mình kinh hành” trở xuống một hàng rưỡi kệ, tụng chỗ thanh tịnh trong hang núi và trong đại chúng để tổng kết tâm hối

tiếc. Đây tức nói lên ngay nơi chỗ thanh tịnh cũng khởi tâm hối tiếc.

“Con thường trong đêm ngày” trở xuống ba hàng kệ tụng tướng trạng nghi ngờ ngày xưa để giải thích sự vui vẻ hôm nay. Xét trong ba hàng kệ này đã mở rộng nêu lên tự có ba phần: 1. Một hàng tụng thuở xưa có nghi ngờ; 2. Một hàng tụng sự việc xưa kia nghi ngờ; 3. Một hàng tụng ngày nay do được hiểu nên nghi ngờ xưa kia được đoạn trừ. Nay do lấy giáo che mờ lý cho nên nói “bị mất”. Có khi lại lấy lý làm mờ giáo cho nên nói là “không bị mất”. Do đó, lấy lý làm mờ giáo lấy giáo làm mờ lý lần lượt cả hai thứ nên nói: “Là mất hay không mất”?

“Con thường thấy Thế Tôn khen ngợi các Bồ-tát” xuống một hàng kệ tụng sự việc đã nghi ngờ. Do vì thấy Thế Tôn khi nói giáo Đại Phẩm thường riêng khen ngợi đức cao hạnh tốt của Bồ-tát đều được thành Phật vì sự việc đó mà sinh ra nghi ngờ.

“Nay nghe âm thanh của Phật” xuống một hàng kệ nói rõ sự hiểu biết ngày nay nên nghi ngờ xưa đã dứt trừ. Phần này có hai ý. Nửa kệ trên nói rõ hiểu được việc khai mở ba thừa và nửa kệ dưới nói rõ hiểu được việc hiển bày một thừa. Ý này tức nói rõ xưa kia vì lý mà mê hoặc giáo là đúng và vì giáo mà mê hoặc lý là sai. “Nay lực vô lậu khó nghĩ bàn, chúng sanh đến đạo tràng” tức nói đến quả xưa kia cùng với lý mê hoặc giáo tương ứng.

“Con xưa chấp tà kiến” trở xuống năm hàng kệ, tụng đoạn hối lỗi tự trách mình ở văn trên. Trong Văn Trường hàng vốn có hai phần nhưng nay kệ chỉ tụng nêu lên chi tiết giải thích tổng quát mà không tụng phần tổng quát hối tiếc. Trong sự giải thích trên tự có hai ý nhưng kệ đầu không tụng ý “hối tiếc xưa kia không nhận lấy giáo nghĩa Đại thừa mà chỉ tụng ý “hối tiếc xưa kia giữ lấy giáo nghĩa Tiểu thừa”. Do vậy ở trên nói “nhưng chúng con không hiểu phương tiện tùy nghi để thuyết nên nghe liền tin tưởng, thọ nhận mà suy nghĩ thủ chứng”.

Nay xét trong năm hàng kệ này tự phân làm ba: 1. Hai hàng kệ đầu chính tụng ý hối tiếc xưa kia giữ lấy Tiểu thừa; 2. Từ “mà nay liền tự biết” trở xuống gồm có hai hàng kệ nói rõ nay đã được hiểu; 3. “Phật ở trong đại chúng” trở xuống gồm một hàng kệ nói rõ điều ác đã dứt trừ. Căn cứ trong việc được hiểu hôm nay lại gồm có hai phần: 1. “Nhưng nay đã tự biết chẳng phải thật diệt độ” gồm nửa hàng tụng đã hiểu rõ quyền trí; 2. “Nếu khi được làm Phật” trở xuống gồm một hàng rưỡi kệ tụng hiểu rõ sự hiển bày một thừa.

“Ban đầu nghe Phật nói” trở xuống gồm sáu hàng rưỡi kệ là

tụng nghĩa ngoài Văn Trường hàng. Lấy gì để biết được? Vì trong Văn Trường hàng nói rõ xưa kia có nghi ngờ mà không nói rõ ngày nay nghi mới được trừ, tức nghe Phẩm Phương Tiện ở trên nói rõ Quyền trí khó hiểu và Thật trí sâu xa. Lại nói “Phật dùng lực phương tiện để chỉ ra ba thừa giáo” qua đó mà tâm sanh nghi hoặc, nhưng vì đã nghe rộng nói khai mở ba thừa và hiển thị một thừa ở trên mà nghi này được trừ bỏ. Xét trong sáu hàng rưỡi kệ tự có hai đoạn: 1. “Ban đầu nghe Phật nói, trong tâm có sợ hãi và nghi ngờ” trở xuống một hàng kệ trước hết nêu lên tâm nghi ngờ; 2. Từ “Phật dùng nhiều thứ nhân duyên” trở xuống năm hàng rưỡi kệ rộng nói rõ sự nghi ngờ đã được dứt trừ.

Nay căn cứ trong năm hàng rưỡi kệ này tự có ba phần: 1. Một hàng kệ đầu tổng quát nói rõ sự nghi ngờ đã dứt trừ; 2. “Phật nói ở quá khứ, vô lượng Phật diệt độ” trở xuống ba hàng dẫn ra chư Phật trong ba đời đều trước hết khai mở thừa và sau hiển bày một thừa để riêng biệt nêu lên sự nghi ngờ về giáo đã dứt trừ; 3. “Thế Tôn nói đạo thật” trở xuống một hàng rưỡi kệ tụng tổng kết sự nghi ngờ đã được đoạn trừ.

“Nghe tiếng Phật êm dịu (như nhuyến)” trở xuống hai hàng rưỡi kệ tụng tổng kết lãnh hiểu trong phần Văn Trường hàng ở trên. Trong Văn Trường hàng ở trên vốn có hai phần: 1. Tổng kết sự lo âu xưa kia nhưng kệ nay lược không tụng; 2. Tổng kết sự hoan hỷ ngày nay và trong phần này vốn có hai ý: nói rõ sự việc ác đã loại bỏ nên mới hoan hỷ; nói rõ sự việc tốt đến cho nên mới hoan hỷ. Nay xét trong hai hàng rưỡi kệ cũng được phân làm hai phần. Ban đầu “nghe âm Phật êm dịu” trở xuống một hàng rưỡi kệ tụng sự xấu ác đã loại bỏ nên sanh hoan hỷ. Do vậy ở trên nói “nhưng nay từ Phật nghe pháp như vậy, đã đoạn trừ được nghi hối”. Một hàng sau tụng sự việc tốt đến nên hoan hỷ; tức văn trên nói: “nhưng nay biết thật là Phật tử, từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sanh ra và được phần Phật pháp”.

“Bấy giờ, Xá-lợi-phất” trở xuống tức đoạn thứ ba trong bốn đoạn pháp thuyết nói rõ Như Lai thuật lại tướng trạng thành tựu của người thượng căn được hiểu. Theo ước lệ mỗi đoạn trong bốn đoạn đều chia làm hai phần, nay đoạn đây cũng có hai: 1. “Phật bảo Xá-lợi-phất” tức là trước hết thuật lại việc xưa kia; 2. Thuật lại việc “ta nay muốn khiến ông nhớ về bản nguyện xưa” trở xuống v.v... “Xá-lợi-phất ông ở đời vị lai” trở xuống là đoạn thứ tư tức là vì người thượng căn mà thọ ký. Trong đoạn này cũng có hai phần: 1. Từ hết kệ trở lại chính là Phật thọ ký cho Xá-lợi-phất; 2. Từ “đại chúng thấy Xá-lợi-phất được thọ ký liền tùy hỷ cúng dường” là so sánh mà biết hoan hỷ. Tuy nhiên, việc

Xá-lợi-phất được thọ ký đều được trình bày cả trong phần Văn Trường hàng lần kệ tụng.

Chỉ căn cứ trong phần Văn Trường hàng cũng có tám phần nghĩa nối tiếp: 1. Nêu lên sự hành nhân; 2. “Thường được làm Phật” trở xuống tức nói rõ đặc quả Phật với hai danh hiệu thông và biệt; 3. “Tên nước Ly Cáo” trở xuống tức nêu rõ cõi nước; 4. “Đức Hoa Quang Như Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sanh” trở xuống là giải thích sự nghi ngờ của chúng sanh; 5. “Kiếp ấy tên là Đại Bảo Trang Nghiêm” trở xuống là nói lên người và vật; 6. “Xá-lợi-phất, tuổi thọ của đức Phật Hoa Quang” trở xuống là ghi nhận thọ mạng lâu dài; 7. “Đức Hoa Quang Như Lai qua mười hai tiểu kiếp” trở xuống là ghi nhận Phật sau đó; 8. “Sau khi Phật Hoa Quang diệt độ” trở xuống là ghi nhận tượng pháp và chánh pháp.

Trong phần giải thích nghi ở trên chính là nghi: “Cõi nước của Phật Hoa Quang thuần nhất thanh tịnh và chúng sanh được hóa độ đều là các đại sĩ Bồ-tát tức ban đầu các Bồ-tát đại sĩ không hề nghe tên ba thừa giáo, vậy có gì nay nói Phật ấy dùng ba thừa giáo để giáo hóa chúng sanh? Đáp: Đức Phật Hoa Quang hóa độ chúng sanh đích thật là các Bồ-tát đại sĩ. Sở dĩ nói ba thừa giáo là Phật Hoa Quang thể theo ý muốn của vị Đại sĩ. Vì sao? Vì người thích ứng pháp tứ đế thì nói pháp tứ đế; người thích mười hai nhân duyên thì nói pháp mười hai nhân duyên; người kham nhận nghe pháp lục độ thì nói pháp lục độ. Nay Phật Hoa Quang vì nói dụng của pháp ba thừa là do bốn nguyện mà nói ba thừa pháp.

“Bấy giờ bốn bộ chúng” trở xuống là nói rõ chư thiên thấy Xá-lợi-phất được thọ ký nên sanh tâm hoan hỷ. Sở dĩ hoan hỷ là vì chính nói lên tâm bình đẳng. “Nay, Thân tử được thọ ký, thì lũ chúng ta cũng lần lượt được như vậy nên sanh tâm hoan hỷ”. Xét trong đây tự có hai phần tức Văn Trường hàng và kệ tụng. Lại trong Văn Trường hàng cũng có hai ý: nói rõ đại chúng thấy Xá-lợi-phất được thọ ký và nói lên sự hoan hỷ. Hoan hỷ cũng có ba phần: Một câu văn: “Tâm rất hoan hỷ” nói ý nghiệp hoan hỷ. “Mỗi người đều cõi y trên của mình”... là thân nghiệp cúng dường. “Mà nói lời rằng”... trở xuống là nói rõ việc dùng khẩu nghiệp để khen ngợi. Trong phần kệ cũng có ba ý. Ba hàng rưỡi kệ đầu nói rõ nghe pháp mà sanh tâm hoan hỷ. Hai hàng kệ kế tiếp nói rõ thấy việc thọ ký mà sanh tâm hoan hỷ. Một kệ kế tiếp nữa nói rõ sự hồi hướng.

“Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật rằng, con nay không còn nghi

hối” là đúng ra thuộc phần đầu của phẩm Thí Dụ được đặt đầu quyển là vì như ý trước đã trình bày. Tuy nhiên trong phần nói Nhân thì bao gồm có bốn đoạn: 1. Lược tụng việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để động chấp sanh nghi; 2. Hoài nghi mà đến thỉnh hỏi; 3. Rộng nêu ra việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để đoạn nghi sanh tín; 2. Riêng lưu thông nhân. Nay thuộc về đoạn thứ ba khai mở ba thừa và hiển bày một thừa đoạn nghi sanh tín. Trong giai đoạn này vì giáo hóa ba hạng người mà thành ba đoạn: Đoạn pháp thuyết khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa người thượng căn đã trình bày xong. Từ đây trở xuống đến phẩm “bốn đệ tử được thọ ký” trong phẩm Thọ Ký là đoạn thứ hai, dùng thí dụ thuyết khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa người có căn tánh bậc trung.

Xét trong đoạn này lại tự có bốn đoạn cũng chính bốn phẩm làm bốn đoạn: 1. Phẩm Thí dụ này chính là phẩm nói rõ Như Lai vì người có căn tánh bậc trung dùng thí dụ thuyết khai mở ba thừa và hiển bày một thừa tức lý đồng quy. Đây chính là giáo hóa người có căn tánh bậc trung; 2. Phẩm Tín giải nói rõ người có căn tánh bậc trung đã lãnh hiểu; 3. Phẩm Dược thảo Dụ nói rõ Như Lai thuật tướng trạng thành tựu của người có căn tánh bậc trung đã lãnh hiểu; 4. Phẩm Thọ ký nói rõ Như Lai vì người có căn tánh bậc trung mà thọ ký.

Lại nữa, bốn đoạn trên mỗi đoạn lại được phân làm hai. Nay căn cứ trong đoạn dùng thí dụ thuyết để khai mở ba thừa và hiển bày một thừa gồm có hai phần: 1. Trước hết nói rõ Xá-lợi-phất vì người có căn tánh bậc trung lại thỉnh xin Phật dùng thí dụ để thuyết; 2. Nói rõ Như Lai đáp lời thỉnh cầu tức liền làm thí dụ thuyết nghĩa khai mở ba thừa và hiển bày một thừa.

Xá-lợi-phất sở dĩ vì người có căn tánh bậc trung và bậc hạ để thỉnh Phật là vì có hai ý: 1. Nói người hạ căn trung căn đây tuy lại biết có lợi căn và độn căn nhưng phân loại thì giống nhau. Nay, thượng căn đã ở trước được hiểu rõ tại sao nay gạt bỏ họ, phân loại là không hiểu nghĩa đồng quy! Vì ý này cho nên mới thỉnh Phật vì họ nói pháp; 2. Như Lai trước đã thọ ký cho bậc thượng căn được thành Phật, nhưng họ xưa vốn là Thanh-văn nay trở thành Bồ-tát, đức của Bồ-tát ắt có hai tâm tự hành và hóa tha. Tự hành nghĩa là xa cầu quả Phật còn hóa tha nghĩa là rộng hóa độ chúng sanh. Do đây đủ hai ý này cho nên mới vì người hạ căn trung căn mà lại thỉnh Phật thuyết pháp. Nay căn cứ trong hai đoạn, mỗi đoạn được phân làm ba. Trong phần thỉnh cầu có ba ý: 1. Muốn vì người có căn tánh bậc trung mà thỉnh Phật thuyết lại nghĩa khai ba thừa

và hiển bày một thừa. Cho nên trước tiên tự trình bày sự hiểu biết của mình là do hiểu được lý đồng quy, do vậy mà được thọ ký thành đạo Bồ-đề; 2. Nêu rõ những người chưa hiểu. Từ “một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo trở xuống để tổng kết phần thừa hỏi. Nói rõ hàng Hữu học này đều là người chưa hiểu đâu cứ chỉ có một nghìn hai trăm người, nay đưa ra số này để làm lý do thỉnh cầu. Nếu là “ngã kiến” chính là là “thân kiến”. Là kiến chấp có, không tức là thường kiến và đoạn kiến. Nói vân vân (v.v...) là là “kiến thủ” và “giới cấm thủ”. Những người này nghe Phật khai mở ba thừa và hiển bày một thừa liền cùng nhau đều vì lý mà mê giáo hoặc vì giáo mà mê lý liền tự nghi chỗ đạt được là đúng, là sai cho nên nói “đều rơi vào nghi hoặc”. Từ “hay thay, Thế Tôn xin vì bốn chúng mà nói nhân duyên ấy khiến họ xa lìa nghi hối” trở xuống là ý thứ ba tổng kết sự thừa hỏi.

“Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất” trở xuống tức là phần Như Lai đáp lời thỉnh, cũng có ba đoạn: 1. Duyên khởi của việc dùng thí dụ để thuyết; 2. Từ “hoặc thành ấp, xóm làng” trở xuống đến một trăm hàng kệ trở lại là dùng thí dụ để thuyết nhằm khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa người có căn tánh bậc trung. Chỉ vì những đồ đệ có căn tánh bậc trung đã hiểu lý đồng quy thì tự biết sẽ thành Phật; 3. từ “Xá-lợi-phất, ẩn pháp này của ta” trở xuống đến phẩm có sáu mươi lăm hàng kệ là khuyến khích người có căn tánh bậc trung thọ nhận và hành trì pháp.

Lại trong ba đoạn này, mỗi đoạn mở làm hai phần: Trong phần duyên khởi có hai tức là: 1. Từ bấy giờ... đến đều vì giáo hóa các Bồ-tát là Phật đối với Xá-lợi-phất nói ý khiến trách hàng phàm phu và căn tánh bậc trung; 2. Phật chấp thuận và dùng thí dụ để nói lên lý đồng quy. Sở dĩ trước hết khiển trách là để phát khởi tâm phẫn khích (bị kích động) của hàng trung căn, nhân đó mà được sáng tỏ. Phàm người có tâm thức thì đều đồng trở về làm Phật, lý rõ ràng chỉ có một, không hề có ba thứ sai biệt. Ở trên đã nói đầy đủ, còn việc gì mà không hiểu?

Trong phần này tự có ba ý: 1. “Dùng nhiều thứ nhân duyên” trở xuống là nói rõ giáo chỉ có một; 2. “Đều là đạo A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-Bồ-đề” là nói rõ quả chỉ có một; 3. “Các điều nói này đều vì giáo hóa các Bồ-tát” là nói rõ người chỉ có một. Nếu trách mắng thái quá thì khiến họ dễ sanh tâm xấu hổ hoặc ý thối đoạ. Do ta là đệ tử Phật cho nên mới dẫn đến có sự khiển trách này.

Từ “Xá-lợi-phất, nay sẽ dùng thí dụ để nói rõ nghĩa ấy. Các người có trí nương vào thí dụ đó mà được hiểu” trở xuống tức là Phật hứa

dùng thí dụ để thuyết lý đồng quy. Tuy nhiên, căn cơ của con người có lợi và độn sai biệt nên việc hiểu và ngộ cũng có trước sau khác nhau. “ông nay còn chưa hiểu, ta sẽ dùng thí dụ để nói” là nêu lên người chưa hiểu rõ. Trong phần này cũng tự có hai ý: 1. “Nhưng Xá-lợi-phất” trở xuống chính là chấp thuận dùng thí dụ để thuyết. “Những người có trí” trở xuống là khen ngợi người có căn tánh bậc trung. Điều này muốn nói bậc Thánh nhìn thấy suốt sự tình nên tùy thời mà hành sự. Do vậy, trước quở trách sau hứa khả là nói lên ý đó.

Trong đoạn thí dụ cũng có hai phần: Văn Trường hàng và một trăm hàng kệ tụng lại phần văn ở trên. Trong đoạn khuyến khích người có căn tánh bậc trung gồm sáu mươi lăm hàng kệ phân làm hai. Trình bày ý khuyên bảo để nói rõ việc hoằng kinh làm lợi ích chúng sanh khiến tự hành và hóa tha cùng gieo nhân đồng quy để chiêu cảm quả vi diệu tốt cùng viên mãn. Do vậy ở đây chia thành hai phần để tiện bề dẫn giải: 1. “Xá-lợi-phất, ấn pháp này của ta” gồm một hàng kệ trước hết nêu lên việc hoằng kinh tức là kinh Pháp Hoa; 2. Từ “ở nơi phương khác, chớ có tuyên truyền hư vọng” đến hết phẩm có sáu mươi bốn hàng kệ chính là khuyến khích thọ nhận và hành trì hoằng kinh làm lợi ích cho chúng sanh. Tuy nhiên, ở trước, trong việc giáo hóa bậc thượng căn có khuyến khích cả hành nhân và mền mộ quả vị. Nay, cuối quyển này chỉ khuyến khích hành nhân mà không khuyến khích mền mộ quả. Chỉ vì tâm mền mộ quả dễ phát sanh nhưng ý hành nhân khó giữ vững. Lấy gì để biết được? Như người thế gian thường ưa thích tham đắm vào quan cao chức trọng, giàu sang phú quý, nhưng tất cả điều này đều là quả báo, chẳng phải bỗng không mà có, chắc chắn do nhân được cảm lấy. Cho đến đạo tu khổ hạnh cũng không thể nói đủ cho nên chỉ khuyến khích ý nhân hành hướng gì điều này vậy.

“Xá-lợi-phất, hoặc thành ấp, xóm làng” trở xuống đến một trăm hàng kệ chính là nói lên việc người có căn tánh bậc trung mà dùng thí dụ để nói khai mở ba thừa và hiển bày một thừa. Phần này cũng có hai đoạn tức trường hàng và kệ tụng. Nay xét trong Văn Trường hàng tự có hai đoạn: khai mở thí dụ và hợp thí dụ. Trong đoạn khai mở thí dụ gồm mở ra mười thí dụ tức là thí dụ về mười cách dùng pháp thuyết trong Phẩm Phương Tiện ở trên. Mười thí dụ ấy là:

1. Từ “hoặc thành ấp, xóm làng hoặc đến ba mươi người ở trong nhà lửa này” trở xuống thì gọi là chủ nhà, cũng gọi là tổng thí dụ. Tổng thí dụ về chư Phật để cùng luận rõ về ba đời nối tiếp, mười phương rộng lớn cho nên nói là tổng. Chín thí dụ còn lại chỉ nêu ra đức Thích Ca.

Nếu như đây thì chỉ có hai thí dụ nhưng nay lấy cả tổng và biệt hợp làm số cho nên có mười thí dụ. Theo cựu luận sư cho rằng đây là thí dụ về thể của nhà. Nay cho rằng không đúng. Đây tức là thí dụ thuộc Phẩm Phương Tiện ở trên: “Nay ta cũng như vậy, làm an ổn chúng sanh” và ở dưới có hai hàng kệ nói lên đức Thích Ca cũng đồng với chư Phật, trước khai mở ba thừa và sau hiển bày một thừa để nói rõ nghĩa hóa chủ.

2. Từ “Trưởng giả thấy lửa lớn” đến “không có ý cầu ra khỏi” gọi là thí dụ Trưởng giả thấy lửa. Đây là thí dụ thuộc Phẩm Phương Tiện ở trên. “Xá-lợi-phất nên biết, Ta dùng Phật nhãn quan sát” có bốn hàng kệ nói rõ Phật trụ trong địa pháp thân thấy chúng bị năm thứ nhơ ố làm cho hôn mê.

3. Từ “Xá-lợi-phất, Trưởng giả ấy suy nghĩ thân và tay của ta có sức mạnh” đến “nhìn cha mà thôi” gọi là thí dụ Trưởng giả cứu con không được. Đây tức là thí dụ thuộc Phẩm Phương Tiện ở trên “ta xưa ngồi đạo tràng” có sáu hàng rưỡi kệ nói rõ ý Phật dùng Đại thừa để giáo hóa chúng sanh nhưng chưa thể được.

4. Từ “bấy giờ Trưởng giả liền nghĩ: nhà này đã bị lửa lớn thiêu đốt” đến “tranh nhau ra khỏi nhà lửa” gọi là thí dụ Trưởng giả dùng ba thứ xe mà cứu được các con mình. Đây tức là thí dụ trong Phẩm Phương Tiện trên: “nhớ về chỗ hành lực phương tiện của Phật trong quá khứ” gồm có mười một hàng kệ nói rõ Như Lai dùng ba thừa giáo hóa độ được chúng sanh.

5. Từ “bấy giờ, Trưởng giả thấy các con an ổn được ra khỏi” đến “lại không có chướng ngại” tức gọi là thí dụ Trưởng giả thấy các con mình đã thoát nạn. Đây tức là thí dụ trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “Xá-lợi-phất nên biết, ta thấy các Phật tử quyết chí cầu Phật đạo” gồm một hàng kệ nói rõ Như Lai thấy chúng sanh đã đoạn trừ năm thứ nhơ ố mà phát khởi căn cơ Đại thừa.

6. Từ “tâm Trưởng giả thư thái vui mừng hơn hở” gồm hai câu gọi là thí dụ Trưởng giả thấy các con ra khỏi hiểm nạn cho nên sanh tâm hoan hỷ. Đây tức là vượt lên thí dụ thứ bảy trong Phẩm Phương Tiện. Cũng như ở trên nói “con liền suy nghĩ đức Như Lai sở dĩ nêu ra” trở xuống gồm hai hàng một câu kệ nói rõ Như Lai thấy chúng sanh ở đời năm trước phát khởi căn cơ Đại thừa cho nên sanh tâm hoan hỷ.

7. Từ “lúc ấy các người con đều thưa với cha rằng: cha trước hứa cho chúng con xe dê, xe hươu và xe trâu vậy nay xin nguyện ban cho” tức gọi là thí dụ các con xin xe. Tức quay trở lại ví dụ thứ sáu trong Phẩm Phương Tiện. Ở trên nói “tất cả dùng tâm cung kính đều đi đến

chỗ Phật” gồm một hàng kệ nói rõ người trong ba thừa đã hồi tâm chuyển ý cầu đạt đến phần dưới sẽ giải thích quả vị.

8. Từ “Xá-lợi-phất, bấy giờ Trưởng giả đều ban cho các con đồng một loại xe lớn” trở xuống gọi là thí dụ Trưởng giả ban cho xe lớn. Đây tức là thí dụ thứ tám trong Phẩm Phương Tiện ở trên. Nói: “Đối với với các Bồ-tát xả bỏ ngay phương tiện mà chỉ nói đạo vô thượng” có ba câu kệ nêu lên Phật vì người của ba thừa mà thuyết Pháp Hoa và thọ ký quả vị Phật cho họ.

9. Từ “Bấy giờ, các người con đều cưỡi xe lớn thật là điều chưa từng có, chẳng phải là chỗ mong cầu” tức gọi là thí dụ các người con được xe lớn mà sanh tâm hoan hỷ. Đây tức là thí dụ thứ chín trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “Bồ-tát nghe pháp này rồi thì lưới nghi được dứt trừ, một ngàn hai trăm La-hán cũng đều sẽ thành Phật” tức nói rõ người của ba thừa thọ nhận và hành trì giáo nghĩa của Đại thừa.

10. Từ “Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao? Trở xuống gọi là thí dụ về Trưởng giả trước hứa cho xe nhỏ nhưng nay cho xe lớn mà không hề mắc tội hư dối. Đây là thí dụ thứ mười trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói tức “các ông chớ có nghi ngờ, ta là vua các pháp” gồm một hàng rưỡi kệ nói rõ giáo pháp của Như Lai không có hư dối. Lúc trước hứa nói pháp Tiểu thừa nhưng cuối cùng nói pháp Đại thừa là có hư dối nhưng ý lại không có hư dối. (Điều này sẽ giải thích sau).

Nay xét trong thí dụ “Chủ nhà” cũng gọi là tổng thí dụ nói rõ Phật Thích Ca đồng với chư Phật trước khai mở ba thừa sau hiển bày một thừa để giáo hóa chúng sanh trong đời có năm thứ như uế. Trong đây gồm có sáu nghĩa đồng nhau được phân làm sáu đoạn: 1. Nói rõ chủ nhà giống nhau; 2. Nói rõ nơi giáo hóa đồng nhau; 3. Nói rõ pháp môn giáo hóa đồng nhau; 4. Nói rõ người được giáo hóa đồng nhau; 5. Nói rõ sự việc cứu giúp đồng nhau; 6. Nói rõ người thọ nhận sự giáo hóa đồng nhau.

Vì sao? Vì có các yếu tố sau đây: Đầu tiên nói rõ Phật Thích Ca đồng với chư Phật cùng làm hóa chủ tức nghĩa Trưởng giả; Hai, nói rõ nơi giáo hóa đồng nhau tức hóa chủ này đồng ứng hiện trong ba cõi. Tuy nhiên, ba cõi này hệ thuộc ở Như Lai tức nghĩa Trưởng giả có một ngôi nhà lớn; 3. Nói rõ pháp môn giáo hóa đồng nhau là vì chúng sanh ở trong đời với năm thứ như uế khi lợi ngược dòng trở về cội nguồn phải nương tựa vào ngôn giáo của Như Lai. Đây là nói lên công dụng của ngôn giáo có khả năng đưa chúng sanh ra khỏi biển khổ để đi đến chỗ an vui vi diệu, tức ví dụ nhà của Trưởng giả chỉ có một cửa; 4. Nói rõ

người được giáo hóa đồng nhau tức là cùng giáo hóa chúng sanh trong năm đường. Đây là tụng trong ví dụ nhà của Trưởng giả có năm trăm người; 5. Nêu ra sự việc cứu giúp đồng nhau là nói lên chúng sanh trong ba cõi bị năm thứ nhơ uest và tám khổ nung nấu tức là nghĩa trong nhà của Trưởng giả có lửa lớn; 6. Nói rõ người thọ nhận sự giáo hóa đồng nhau tức là chúng sanh trong năm đường có thể lãnh thọ sự giáo hóa nghĩa là có căn tánh của ba thừa. Căn tánh của ba thừa nghĩa là chỉ cho ba mươi người con trong thí dụ về nhà lửa. Người không khác, tuy có năm trăm nhưng cùng với Trưởng giả chẳng phải hết thấy đều là thiên tánh, cho đến có thiên tánh tương quan chỉ có ba mươi người con.

Nay xét trong sáu nghĩa này, chỉ có nghĩa “chủ nhà đồng nhau” là có trong phần pháp thuyết ở trên. Năm nghĩa còn lại ở thí dụ thuyết mới có. Trước hết nói rõ nghĩa chủ nhà tức tổng tụng mười phương chư Phật đều giáo hóa chúng sanh trong cõi đời với năm thứ nhơ uest đồng với một nghĩa Trưởng giả. Nay căn cứ trong nghĩa chủ nhà tự có ba đoạn: 1. Nêu lên tên, trú xứ của Trưởng giả; 2. Đích thực nói chủ nhà; 3. Khen ngợi đức của chủ nhà. Lại nữa, trong ba đoạn này, mỗi đoạn trước và sau đều có ba ý nhưng đoạn giữa chỉ có một ý.

Trong đoạn ban đầu có ba ý là: 1. Trước hết nêu lên Trưởng giả ở trong một đất nước có danh tiếng; 2. Nêu lên ở trong một ấp có danh tiếng; 3. Nói rõ Trưởng giả ở trong một xóm làng có danh tiếng.

Hỏi tại sao không nói từ hẹp đến rộng mà nói từ rộng tới hẹp? Đáp: Vì muốn nói từ thưa đến dày cho nên nói từ rộng đến hẹp. Như người ở trong một nước có danh tiếng thì âm hưởng dễ được truyền ra bên ngoài nước chẳng bằng như ở trong một nhà, một quận mà biết rõ thực hư của người ấy. Tuy lại, có danh tiếng vang khắp cả châu quận nhưng chẳng bằng như trong một xóm một làng biết rõ người ấy có đức. Bên trong hẹp làm nghĩa thì rộng là nói sáu đường bốn loài trong mười phương thế giới, thời gian thì nói từ vô gián trở lên và kim cang trở lại, đức độ của Như Lai bao trùm khắp tình thức, ân thấm nhuần quần sanh như Trưởng giả ở trong một nước có đức độ. Nếu chỉ căn cứ một phen ứng hóa đạo của chư Phật mười phương và đức Thích Ca thì bao trùm cả ba ngàn đại Thiên thế giới v. v... giống như Trưởng giả có đức độ ở trong một ấp. Lại cõi Sa-bà thuộc Nam Diêm Phù Đề, Như Lai ở trong đó làm lợi ích cho chúng sanh như Trưởng giả ở xóm làng có đức độ.

“Có vị đại Trưởng giả” Đây chính là nêu lên nghĩa “chủ nhà”. Nên biết chưa hẳn tuổi tác già yếu mới gọi là Trưởng giả, chỉ cần người có hạnh có đức độ thì cũng gọi là Trưởng giả.

“Người ấy tuổi đã già suy” trở xuống là khen ngợi Trưởng giả có đức độ, gồm có ba nghĩa nối tiếp: 1. Khen ngợi có đức bên trong; 2. Khen ngợi có đức bên ngoài; 3. Khen ngợi quyền thuộc của Trưởng giả.

Nay, nói “người ấy tuổi đã già suy” tức là khen ngợi đức bên trong của Trưởng giả. “Phàm là người già ắt có nhiều hiểu biết” là nói rõ Như Lai có ba thứ thông đạt cho nên biết rõ mọi việc. Chỉ vì có nhiều hiểu biết đều là cổ xưa nên lấy sự già yếu làm nghĩa chính thí dụ. Kế đến nói “của giàu vô lượng, cũng có ruộng vườn nhà cửa” là khen ngợi đức bên ngoài của Trưởng giả, cũng chính là nêu lên việc dùng bảy thứ báu dư giả cung cấp cho người nghèo đơn chiếc. Đây chính là nói rõ đức giáo hóa bên ngoài của Như Lai vô cùng tận. Cho nên, có bốn nhiếp pháp độ người và tâm từ bi cứu vớt muôn loài. Phàm nuôi mạng sống gọi là ruộng, còn an thân gọi là nhà tức nói rõ Như Lai có khả năng làm phát sinh công đức và trí tuệ cho chúng sanh như ruộng vườn, chỉ phương cách tu hành cho chúng sanh như nhà. Vì thế kinh Niết-bàn nói “an lập tất cả chúng sanh ở trong năm giới và mười nghiệp thiện” tiếp nói: “Và các tôi tớ” tức là khen ngợi quyền thuộc của Trưởng giả. Ở đây muốn nói Thanh-văn và Bích-chi Phật có tâm lượng hẹp hòi, ý chí ngăn ngại cũng như tôi tớ.

“Nhà ông rộng lớn” là nói rõ nhà của Trưởng giả. Nhà lấy sự an thân làm nghĩa. Ở đây muốn nói Như Lai ứng hiện trong ba cõi hệ thuộc vào

Như Lai, tức lấy chỗ giáo hóa làm nhà. Cho nên kinh Duy Ma nói “chúng sanh là cõi tịnh của Bồ-tát” để nói rõ chỗ giáo hóa của Bồ-tát lấy chúng sanh làm cõi nước. Nay nói rõ Như Lai giáo hóa trong ba cõi và lấy ba cõi làm nhà nhưng vì ba cõi thật bao la cho nên nói rộng lớn.

“Chỉ có một cửa mà thông suốt cho người ra vào”. Đây chính là nói lên cửa của Phật giáo tức chúng sanh trong ba cõi muốn lợi ngược dòng sanh tử thì ban đầu nương vào giáo pháp của Như Lai sau đó tu tập mà thoát ly sanh tử để đi đến Bồ-đề. Vì lấy năm thời thuyết giáo của Như Lai làm cửa. Chẳng phải hai cho nên nói là một.

“Người ở trong đó rất đông” trở xuống là nói lên trong nhà của Trưởng giả còn có năm trăm người khác. Ở trong là hợp với nghĩa trong ba cõi có đủ chủng loại bao gồm chúng sanh trong năm đường. “Nhà gác mục nát” là nói sự việc phải cứu. Tức nói rõ trong nhà của Trưởng giả có lửa. Ở bên trong dung hợp làm nghĩa. Tức là tiêu biểu cho trong ba cõi luôn có sẵn năm thứ ô trược tám khổ nung nấu và gây bức náo chúng sanh. Trong phần này có hai ý: 1. Sắp nói lửa cháy lên, nên trước

tiên nói những vật gây ra cháy, chính nói rõ do cũi mà lửa lan truyền; 2. Câu “Bốn phía đồng một lúc, lửa bùng nổi lên v.v....” chính là nói lửa bốc lên. Nay phần thứ nhất nói rõ Dục giới giống như “nhà”, còn Sắc giới và Vô sắc giới giống như “lầu gác”. Vì chúng sanh trong ba cõi đều bị sanh, già, bệnh, chết và vô thường biến đổi gây bức não cho nên nói là “củ mục”. Chúng sanh trong ba cõi lấy bốn đại làm “tường vách” nhưng thân bốn đại này đều sanh diệt trong mỗi niệm cho nên nói là “sụp đổ”. Mạng sống như “chân cột” nhưng mạng sống này là chỗ chiêu cảm của thiện căn. Do vậy niệm niệm vô thường cho nên nói là “hư nát”. Thức như “rường cột” con người có tâm thức gọi là chúng sanh cho nên chúng sanh lấy tâm thức làm chủ. Nhưng tâm thức này do duyên mà sanh diệt trong từng sát na nên nói là “xiêu ngã”. “Bốn phía đồng một lúc” trở xuống là nêu lên lửa bốc cháy, chỉ cho trong bốn loài đều có đủ năm thứ ô trược và tám khổ. “Lửa bùng nổi lên đốt cháy” là nói lửa bốc lên. Ở đây lấy thí dụ ở bên ngoài làm nghĩa là vì Trưởng giả không ở tại đó cho nên khiến trong nhà lửa mới bốc cháy. Trong kệ dưới nói “người ấy vừa ra khỏi, nhưng chưa bao lâu” chính là nói Như Lai đã từng giáo hóa chúng sanh này khiến chế phục phiền não. Thuở ấy đã làm nhân duyên, được độ nhưng vì duyên chiêu cảm đã hết, như đến phương khác để giáo hóa. Tuy nhiên, chúng sanh này lại khởi lên ba độc phiền não. Không phải bản ý đã mong đợi cho nên nói “lửa bùng khởi lên”. “Các con của Trưởng giả” trở xuống là nêu lên trong năm trăm người có cùng với Trưởng giả thiên tánh tương quan. “Có ba mươi người con” là nói rõ giáo Như Lai vào trong ba cõi hóa độ cho người có căn tánh của ba thừa.

“Trưởng giả thấy lửa lớn, từ bốn phía bốc lên” trở xuống đến “không có ý ra khỏi” là tụng thí dụ Trưởng giả thấy lửa. Đây tức là thí dụ thứ hai trong phẩm Phương Tiện nói “Xá-lợi-phất phải biết, ta dùng Phật nhãn quan sát” trở xuống gồm có bốn hàng kệ tụng nói Như Lai ở trong địa pháp thân thấy chúng sanh bị năm thứ ô trược và tám khổ gây hôn mê. Tuy nhiên trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói phần này gồm có ba đoạn: 1. Nêu lên năng kiến; 2. Nêu lên sở kiến; 3. Khởi tâm thương xót. Nay trong thí dụ này cũng làm ba đoạn tương ứng với ba đoạn trên. Thứ nhất Trưởng giả thấy tức nói rõ năng kiến (người thấy) tức tương ứng với thí dụ trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “Xá-lợi-phất nên biết, ta dùng Phật nhãn quán sát”. “Lửa lớn này từ bốn phía bốc lên” là đoạn thứ hai nêu lên sở kiến tức tương ứng với thí dụ ở trên “thấy sáu đường chúng sanh bản cùng không có phước đức và trí tuệ” nhằm nói

rõ Phật thấy năm thứ ô trước. Thí dụ nay ý nói bốn loài chúng sanh vốn có đủ năm thứ ô trước đều khởi phiền não cho nên nói “từ bốn phía bốc lên” “Tức liền rất sợ hãi” trở xuống là đoạn thứ ba nói lên Trưởng giả đã thấy lửa bốc cháy ở trong nhà đang thiêu đốt làm bức bách các con mình liền khởi tâm kinh sợ. Đây tức là thí dụ tương ứng với đoạn thứ ba trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “vì chúng sanh này nên khởi tâm đại bi” nhằm nói rõ Như Lai đã thấy chúng sanh bị năm thứ ô trước gây hôn mê mà khởi tâm thương xót. Xét trong đoạn thí dụ ở đây gồm có ba phần: 1. “Liền rất sợ hãi” gồm một câu nói rõ vì tâm đại bi mà tạo ra thí dụ; 2. “Mà suy nghĩ rằng” trở xuống đến “an ổn được ra khỏi” là nói rõ không thể tự làm; 3. “Nhưng các người con v.v...” trở xuống đến hết câu “không có ý ra khỏi” là sợ hãi những gì các con đã làm. Nay nói tức là rất sợ hãi, nghĩa là ý thương xót chợt đến, nhân đó làm cho sợ. Bên trong hợp với ý Như Lai ở nơi hai vạn ức Phật xưa kia từng giáo hóa chúng sanh. Thuở xưa chúng đã tạo ra nhân được độ, nhưng từ đó về sau lại tham đắm năm trần, rộng khởi phiền não đánh mất sự hiểu biết xưa kia; vì ý thương xót cho nên nói là sợ sệt. Chẳng những sợ chúng đánh mất sự hiểu biết mà còn sợ chúng rộng khởi phiền não, đoạn mất thiện căn, trở thành nhất xiển đề và đoạ vào trong ba đường ác trải qua nhiều kiếp thọ khổ cho nên nói là sợ. “Nhưng lại suy nghĩ. Ta tuy có thể ở trong cửa nơi thiêu đốt này an ổn được ra” là nói rõ sợ không thể tự làm được. Hỏi: Ở trên nói Phật giáo là cửa nhưng nay cố gì nói cửa ấy bị thiêu đốt? Đáp: Chính là nói Phật giáo làm môn (cửa) mà không nói giáo này bị thiêu đốt. Tuy nhiên giáo, đối với chúng sanh được hóa độ tự cho rằng bị thiêu đốt. Giống như một môn kia mà thiết lập thành môn đại học. Vậy thì sao không nói hai tấm ván cùng che khiến đọc sách hiểu nghĩa ư! Cho nên biết, trong một môn mà người hiểu nghĩa đọc sách. “An ổn được ra khỏi” là nói rõ Như Lai xưa kia đích thân nhờ giáo Đại thừa mà ra khỏi ba cõi, tám khổ để thành tựu chủng giác cho nên nói “an ổn được ra khỏi”. “Nhưng các người con thấy” trở xuống là nêu lên sợ hãi những gì các con đã làm. Chúng sanh đắm nhiễm năm trần cho nên nói “ưa vui”. Suốt đời vận dụng sai khiến ba nghiệp không có một chút nào đáng ghi nhận cho nên nói “đùa giỡn”. Chúng sanh không biết năm thứ như ước và tám khổ nên bị chúng gây bức bách. Nếu khiến biết rõ chín mươi tám kiết sử thì liền sợ hãi khổ trong ba đường. Do không hiểu cho nên không biết sợ hãi là gì.

“Xá-lợi-phất, Trưởng giả ấy suy nghĩ” trở xuống đến “nhìn cha mà thôi” là nói rõ thí dụ Trưởng giả đã không cứu được các con của

mình. Đây tức là thí dụ thứ ba tương ứng Phẩm Phương Tiện ở trên nói: “Ta mới ngồi đạo tràng” gồm sáu hàng rưỡi nói rõ Như Lai dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh nhưng chưa thể được. Tuy nhiên trong thí dụ ở trên gồm có ba đoạn: 1. Nói “ta xưa ngồi đạo tràng quán sát cây; cũng kinh hành” gồm nửa hàng kệ là nói rõ chỗ Như Lai dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh nhưng chưa thể được, nay không làm thí dụ; 2. “Trong hai mươi mốt ngày thường suy nghĩ việc này” gồm nửa hàng nói rõ Như Lai dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh nhưng thời cơ chưa thể được. Nay cũng không làm thí dụ, chỉ làm thí dụ thứ ba dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh không thể được mới tạo ra thí dụ. Tuy nhiên, ý này vốn chẳng phải trình bày về ngôn giáo mà nói rõ ý Như Lai tạo ra phương pháp Đại thừa để giáo hóa.

Lại nữa, trong phần “giáo hóa không thể được” vốn có ba đoạn: 1. Dự tính dùng Đại thừa thích nghi; 2. Không có căn cơ Đại thừa; 3. Ngưng việc giáo hóa Đại thừa. Nay cũng đầy đủ vì hai đoạn trong đây mà làm thí dụ.

Nhưng ý thí dụ vốn đã nương theo tất cả thích nghi để mở làm hai đoạn: 1. Khuyên dạy; 2. Từ “ta sẽ vì các ông mà nói lên sự sợ hãi” trở xuống tức là răn dạy. Như Lai ở đời tuy lại nói đầy tam thiên, hình khắp ở sáu đường, nhưng tổng quát luận nói không ngoài hai phương pháp khuyên dạy và răn dạy. Cho nên khi mới xuất thế luôn nói: “Hãy dứt các việc ác, nên làm các việc lành”. Nên làm các việc lành tức là với tâm đại từ khuyên dạy làm thiện. “Hãy dứt các việc ác” tức là với tâm đại bi răn dạy bỏ ác. Do vậy, Từ là muốn cho an vui nên khuyên dạy chúng sanh làm thiện. Bi là có khả năng cứu khổ nên răn dạy chúng sanh đoạn trừ ác. Vì thế, như xưa kia nói hai đế khổ và tập chính là tâm đại bi răn dạy diệt trừ điều ác và tiếp đến nói hai lý diệt và đạo tức là đại từ khuyên dạy làm điều thiện. Nay ý của thí dụ này cũng lại như vậy, dựa trên hai ý khuyên dạy và răn dạy mỗi thứ có ba đoạn đều là nghĩa dự định. Căn bản trong thí dụ gồm có ba đoạn trên: 1. Trước hết dùng khuyên dạy dự định thích nghi; 2. Nói rõ các đệ tử không có căn cơ kham nhận lời khuyên dạy; 3. Ngưng việc khuyên dạy. Nay nói rõ việc khuyên dạy dự định thích nghi tức là ví dụ tương ứng với Phẩm Phương Tiện ở trên nói “chỗ đắc trí tuệ của ta thật vi diệu bậc nhất chỉ dùng Đại thừa dự định thích nghi”. Ở trên chỉ nói trí tuệ nhưng nay trong thí dụ này rộng nói cả trí và cảnh. Do vậy, căn cứ trong thí dụ dự định thích nghi này tự có hai phần: 1. “Trưởng giả ấy liền suy nghĩ, thân và tay của ta có sức mạnh” tức trước hết nêu lên Trưởng giả dùng thân và tay

để cứu. Đây bên trong hợp nói rõ Như Lai suy nghĩ pháp thân có công năng ứng hóa, trí tuệ có lực cứu giúp; 2. Nói “sẽ dùng vạt áo hoặc bàn ghế v.v... từ trong nhà mà ra” chính là nói rõ niệm từ đã phát khởi nên muốn dùng vạt áo bọc lấy con, hay bàn ghế để đẩy chúng ra. Điều này muốn nói Như Lai dùng Đại thừa khuyên dạy dự định thích nghi. Thí dụ vạt áo là nhân của Đại thừa còn bàn ghế là quả của Đại thừa. Đây muốn nói rõ Như Lai đã có thân tay trí tuệ dùng nhân Đại thừa đem cho chúng sanh và muốn lấy quả Đại thừa ban bố cho chúng sanh khiến được giải thoát. “Lại liền suy nghĩ” là nói rõ các người con không có cơ duyên kham nhận lời khuyên dạy tức tương ứng với thí dụ thuộc phần hai trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “chúng sanh có các căn ám độn tham đắm dục lạc, si mê mà không hiểu rõ thì làm sao có thể độ được”. Đây có hai ý: 1. Nêu rõ giáo nghĩa Đại thừa đối với hạng người ấy thì trở nên vô dụng; 2. Nói rõ không có căn cơ Đại thừa. Nay nói ý thứ nhất: “nhà này chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp” nhằm nói rõ cửa giáo nghĩa Đại thừa lúc ấy không thể giáo hóa chúng sanh thoát ra khỏi ba cõi. Môn giáo này đối với chúng trở thành vô dụng, không thể kham nhận nghĩa nên gọi là nhỏ hẹp.

Hỏi: Cửa tự có nhỏ hẹp không thể thông suốt để các con được đi ra, thì đâu liên quan gì mà nói các con chẳng chịu ra?

Đáp: Văn kinh tự nói “Các con thơ dại chưa hiểu biết gì nên không chịu từ cửa ra”. Nếu có nhận thức, có hiểu biết thì đâu ở trong cửa để bị lửa thiêu đốt! Điều này muốn chỉ cho giáo nghĩa Đại thừa lúc ấy đối với chúng sanh là vô dụng nên nghĩa trở thành nhỏ hẹp. “Các người con thơ dại” trở xuống là nói rõ không có căn cơ với Đại thừa. Xét trong phần này có hai ý: 1. “Các người con thơ bé” là nói rõ chúng sanh chỉ có căn cơ nhỏ bé như năm giới và mười nghiệp thiện của trời và người. “Chưa có nhận thức” là ý nói rõ chúng sanh không có căn cơ Đại thừa. Nếu không nêu lên chúng có căn cơ Tiểu thừa không lấy gì nói rõ không có căn cơ Đại thừa. Trong phần dự định thích nghi trên nói: “Bấy giờ, các Phạm vương”... là dẫn chứng chứng minh chúng sanh lúc ấy không có căn cơ Đại thừa. Nay không làm thí dụ ấy “ham mê nơi đùa giỡn” trở xuống là nói rõ Trưởng giả ngưng việc khuyên dạy. Đây tức là thí dụ tương ứng với phần thứ ba trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “Ta liền tự suy nghĩ nếu chỉ khen ngợi Phật thừa, chúng sanh sẽ chìm đắm trong ấy, hoặc không thể tin tưởng pháp ấy, phá hoại pháp ấy không tin cho nên đoạ vào trong ba đường ác. Ta thà không nói pháp mà nhanh chóng nhập vào Niết-bàn”. “hoặc vấp ngã bị lửa thiêu đốt” là nói rõ chúng

sanh không có tâm cầu Đại thừa. Nếu gượng dùng Đại thừa mà hóa độ thì chúng sanh hoặc sanh huỷ báng mà đọa vào ba đường ác cho nên nói “bị lửa thiêu đốt, ta nên vì chúng nói sự việc sợ hãi”. “Nhà này đã bị thiêu đốt phải nhanh chóng đi ra để không bị lửa gây tổn hại”. trở xuống tức là răn dạy Đại thừa. Nhưng làm nghĩa răn dạy tức là nói khổ đang theo đuổi chúng sanh. Trong đây có ba đoạn cũng là thí dụ tương ứng với ba đoạn trong phần dùng pháp để thuyết ở trên: 1. Trước hết dùng răn dạy dự định thích nghi; 2. Nói rõ các người con không có căn cơ đón nhận sự răn dạy; 3. Nói rõ Trưởng giả ngưng việc răn dạy. Nay nói dự định thích nghi chính là trở lại thí dụ tương ứng phần thứ nhất của Phẩm Phương Tiện ở trên nói “chỗ đắc trí tuệ của ta thật vi diệu bậc nhất” nói rõ Như Lai dùng Đại thừa dự định thích nghi cho chúng sanh. Trong đây tự có hai phần: 1. Trước hết nêu lên Trưởng giả suy nghĩ mà tạo ra sự răn dạy. Đây tức nói rõ Như Lai suy nghĩ muốn vì chúng sanh mà tuyên nói trong ba cõi đều có năm thứ như uế và tám khổ cũng như sanh, già, bệnh, chết gây bức não để khiến chúng nhàm chán; 2. Chính là nói rõ dự định thích nghi.

Hỏi: Chủng trí của Như Lai thấy thông suốt cả căn tánh của chúng sanh việc thừa cơ đến cảm nghĩa trong một lúc, vừa nói Phật suy nghĩ há không trái với nghĩa chủng trí sáng suốt giảm đi sự chiếu soi của “ba đạt” chăng?

Đáp: Nếu luận về thật thì tuyệt dứt ngôn từ hình tượng. Nay căn cứ ở tích có hình dáng trải qua cuộc đời thì không thể không có nghĩa này. Nếu cho là lạ, nói Như Lai mà còn suy nghĩ, tạo ra lời khuyên dạy thì cũng nên cho là lạ nói Như Lai có thân thể một tướng sáu và cũng nên nghi việc tư duy suốt trong hai mươi một ngày của Phật. Thân một tướng sáu và trong hai mươi một ngày, hai điều này không hề nghi ngờ, thì ý gì chợt nhiên cho rằng Phật dùng răn dạy là quái lạ? Ý này muốn nói rõ ý đại bi của Như Lai không chỉ dừng lại ở tâm cứu độ cùng khắp mà còn khéo léo từ đầu đến cuối luôn vì giáo hóa Đại thừa. “Suy nghĩ rồi như chỗ suy nghĩ mà bảo các con rằng: các con mau ra đây” trở xuống là chính nói rõ Trưởng giả dùng cách răn dạy dự định thích nghi. Đây tức nói rõ Như Lai dùng Đại thừa răn dạy dự định thích nghi cho chúng sanh. “Cha tuy thương xót” trở xuống là nói lên chúng sanh không có căn cơ kham nhận sự chỉ dạy giáo nghĩa Đại thừa. Trong phần này tự có hai đoạn: 1. “Cha tuy thương xót khéo nói lời dụ dỗ” tức nêu lên nhắc lại ý câu trên; 2. “mà các người con chẳng chịu tin nhận chẳng sợ sệt” trở xuống là nói lên việc không có căn cơ Đại thừa. Đây tức là thí

dụ tương ứng với ở trên nói “chúng sanh có các căn tánh ám độn thường vướng mắc vào dục lạc và bị si mê che mờ, như những loại này làm sao có thể độ được” tức không có căn cơ Đại thừa. Do vậy cũng không thể làm dẫn chứng. Thí dụ “chỉ đông tây chạy giỡn, nhìn cha mà thôi” tức nói lên việc ngưng hẳn dạy. Nam, Bắc là chiều dọc Đông, Tây là chiều ngang. Nếu khiến chúng sanh dụng tâm cùng Đại thừa với đạo lý tương hợp thì như chiều dọc Nam Bắc, chỉ vì chúng sanh không hiểu chơn lý trong sanh tử nên dụng tâm rộng ngang ở lý mà ví như Đông, Tây. Dong ruổi trong năm trần, gọi là “chạy”. Tuy lại vận động ba nghiệp nhưng không có chút thiện có thể mong đợi gọi là “đùa giỡn”. Chỉ có căn cơ cảm thấy được thân một tướng sáu của Phật nên nói “nhìn cha” không có căn cơ cảm được nghe thuyết Đại thừa nên nói “mà thôi”.

“Bấy giờ, Trưởng giả liền suy nghĩ: nhà này bị lửa thiêu đốt” trở xuống đến “tranh nhau ra khỏi nhà lửa” là nói thí dụ Trưởng giả dùng ba loại xe mà cứu được các con. Đây là thí dụ thứ tư tương ứng trong Phẩm Phương Tiện ở trên. Nói “nhớ về Phật quá khứ, đã hành phương tiện lực” tức gồm mười một hàng kệ, tụng Như Lai dùng ba thừa giáo để giáo hóa được chúng sanh. Nhưng trong thí dụ căn bản trên vốn có hai đoạn: 1. Mười hàng kệ đầu nêu lên Như Lai dùng ba thừa giáo để giáo độ được chúng sanh; 2. Một hàng kệ sau từ “Từ kiếp lâu xa” trở xuống là giải thích nghi. Nay không làm thí dụ cho đoạn giải thích nghi chỉ làm thí dụ dùng ba thừa giáo độ được chúng sanh. Đoạn này ở trên vốn có bốn đoạn: 1. Dùng ba thừa dự định thích nghi; 2. Thấy rõ căn cơ của người trong ba thừa; 3. Vì thuyết ba thừa giáo; 4. “có tiếng nói Niết-bàn và vì A-la-hán, tên pháp tăng sai biệt” gồm một hàng nói rõ người trong ba thừa thọ nhận hành trì. Nay căn cứ trong thí dụ này cũng đầy đủ tương ứng với bốn đoạn ở trên. Đối với thí dụ căn bản đoạn dự định thích nghi vốn có ba phần: 1. “Ta nhớ nghĩ chỗ dùng lực phương tiện của Phật quá khứ, sự đắc đạo của ta hôm nay cũng nên dùng nói ba thừa” gồm một hàng gọi là thấy rõ giáo dự định thích nghi; 2. “khi ta suy nghĩ” trở xuống bốn hàng rưỡi kệ nói rõ sự khen ngợi của chư Phật; 3. “Xá-lợi-phất nên biết” trở xuống một hàng kệ nêu lên việc đức Thích Ca đánh lễ chư Phật. Nay chỉ làm thí dụ cho phần đầu, lược không làm thí dụ hai phần sau.

Nay nói “bấy giờ, Trưởng giả liền suy nghĩ: “nhà này đã bị lửa thiêu đốt” trở xuống đến “được khỏi nạn này” là trước hết nêu lên Trưởng giả dùng ba xe dự định thích nghi. Nhưng chỉ dùng ba xe dự định thích nghi vẫn chưa vì con nói. “ta và các con nếu không ra khỏi đây

kip thời thì bị lửa thiêu đốt” gồm có hai cách giải thích. Pháp sư Truyền Ân nói: Ta hóa đạo và các người theo ta cho nên nói” ta và các con”. Nay Pháp sư Vân nói “Như Lai hóa đạo có công năng che chở vạn vật nên gọi đó là cha, chúng sanh theo giáo pháp sanh thiện nên gọi là con”. Chúng sanh nếu khiến cho thỏa thích lưu trú trong ba cõi thì sẽ đoạn tuyệt thiện căn, không có khả năng nối dõi chính là nghĩa “con chết” và công hóa độ của Như Lai đối với chúng sanh này đoạn mất tức nghĩa là “cha chết”. Do vậy “ta và các con” là nói lên ý như vậy. Xét trong phần dự định thích nghi gồm có hai phần: 1. Từ ban đầu nói “Ta nay nên bày chức phương tiện” là trước tiên nói rõ không thấy các giáo. Đây tức là tương ứng với phần trong Phẩm Phương Tiện nói “nhớ nghĩ sự hành lực phương tiện của Phật quá khứ” mà làm ra thí dụ”; 2. “khiến cho các người con, được thoát khỏi hại này” là phần chính nói rõ dự định thích nghi tức tương ứng với trong Phẩm Phương Tiện nói “Chỗ đặc pháp của ta hôm nay cũng nên nói ba thừa giáo mà làm ví dụ”. “Cha biết tâm của các con trước đó đều có v.v...” trở xuống đến “chắc chúng ưa thích lắm” là nói rõ Trưởng giả biết tâm ham thích trước đó của các con v.v... Đây tức là thí dụ tương ứng với phần hai trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “lại suy nghĩ, ta xuất hiện trong đời ác trước như chỗ nói của chư Phật, ta cũng tùy thuận theo mà hành đạo” tức nói rõ Như Lai thấy căn cơ của người ba thừa.

Hỏi: Nhưng đây là căn cơ Tiểu thừa vậy cơ gì nói trước đã có căn cơ này? Nếu nói ở chỗ hai vạn ức Phật xưa kia đã từng thọ nhận sự giáo hóa Đại thừa tức nói đây là tâm trước kia thì thử ấy chúng sanh có thiện căn với Đại thừa. Nếu như vậy tức tâm trước đó có chí Đại thừa thì sao nói tâm trước đó có căn cơ thiện Tiểu thừa?

Đáp: Đây là cùng với chỗ tích tập cảm ứng tương ứng. Vì sao? Vì ngày nay chiêu cảm thiện căn của Phật và từ xưa trở lại có thiện căn đều chiêu cảm hết ở Thánh, vì từ xưa đến nay các căn thiện đều có lực của tập nhân để chiêu cảm tập quả trong vị lai; vì căn thiện thuộc tập nhân quá khứ cũng có gieo trồng giáo Tiểu thừa nên sanh khởi căn thiện tâm hẹp hòi và cũng từng gieo trồng giáo Đại thừa nên sanh phước tâm rộng lớn. Và cũng tự có gieo trồng Tiểu thừa sanh tâm rộng lớn cũng tự có gieo trồng hạt giống Đại thừa nhưng sanh tâm nhỏ hẹp. Nhưng nhân các thiện này đều tạo tập nhân để chiêu cảm tập quả trong tương lai và các thiện căn trong tương lai hoặc thiện hữu lậu, hoặc thiện vô lậu hoặc thiện tâm hẹp hoặc phước tâm rộng đều là tập quả. Lại nữa, ở quá khứ nếu tâm thiện hẹp hòi nêu lên thể thì làm tập nhân cho tâm

thiện rộng lớn trong vị lai, hoặc làm tập nhân cho tâm thiện nhỏ hẹp ở vị lai, cũng nêu lên thể làm tập nhân cho thiện vô lậu trong vị lai, cũng nêu lên thể làm tập nhân cho thiện hữu lậu trong vị lai. Xưa kia có tâm thiện rộng lớn cũng như vậy. Hơn nữa tập nhân và tập quả vốn đồng chiêu cảm cả tánh và tướng. Tuy có rộng hẹp sai biệt, hữu lậu và vô lậu khác nhau trên mặt nghĩa của thiện căn nhưng lý chẳng có gì khác nhau. Do vậy, tập nhân và tập quả có được tương quan lẫn nhau. Nếu căn cứ vào tập quả thiện của Đại thừa hôm nay so với xưa kia thì đó là tập nhân, đây chính là Đại thừa bắt nguồn từ sự ham thích của tâm trước kia. Nếu căn cứ vào tâm thiện hẹp hòi hôm nay so với xưa kia thì tất cả các thiện căn xưa kia đều là tập nhân. Đây tức là thiện Tiểu thừa hôm nay bắt nguồn từ tâm ham thích trước kia. Nay nói tâm trước chính là nghĩa này, nhưng nhân quả có nhiều thứ chứ chẳng phải một loại. Nếu nói sự chiêu cảm tướng tánh đồng nhau thì tập nhân và tập quả có khả năng dẫn đến thọ nhận an vui, là nhân báo và quả báo chiêu cảm thấy Thánh như chính là nhân quả cảm ứng. Có người nói Căn thiện ở vị lai cảm ứng chính là nói thiện từng có đã sanh đâu đợi Thánh ứng hiện! Nay chỗ tích tập không phải như vậy, vì lý cảm ứng vi tế chứ chẳng phải tâm thô thấy được. Nếu một niệm sanh thiện thì có thể cảm ứng tập quả. Lúc ấy, chẳng phải duyên thì không thể phát khởi. Cho nên, “đã từng có thiện căn” chính là chiêu cảm tập quả, lại phải dựa vào sự chiêu cảm Thánh như để làm duyên sanh ra quả. Nếu nói tập quả trong vị lai có thể chiêu cảm đến Thánh thì cũng nên nói lạc thọ ở vị lai có thể chiêu cảm Đại thừa, và nếu thiện chiêu cảm từng quả vui ở vị lai thì cũng nên thiện chiêu cảm từng tập quả ở vị lai. Tập quả ở vị lai đã chiêu cảm đến Thánh thì cũng nên lạc thọ ở vị lai có khả năng chiêu cảm Đại thừa. Nếu quả báo không có lực chiêu cảm Đại thừa thì tập quả cũng phải không có công chiêu cảm Thánh, đến nghĩa ở đây thực khó biết, khó thông, mà nếu chấp vị lai thì lý do đó không thể được. Cho nên biết lực của “nhân báo” chính là chiêu cảm lạc thọ, dựa vào chiêu cảm Đại thừa làm duyên của lạc thọ. Tức là cũng đâu có khác lực của tập nhân chính chiêu cảm tập quả, bên cạnh đó chiêu cảm công của Thánh làm duyên sanh ra quả vậy!

“Mà bảo các con rằng: Đây là những thứ quý giá tốt đẹp hiếm có, khó được” trở xuống đến “đều sẽ cho các con” tức là nói rõ Trưởng giả vì các người con mà nói lên ba thứ xe. Đây là thí dụ tương ứng trong phần ba của Phẩm Phương Tiện ở trên. Trong đó nói “suy nghĩ việc này rồi liền đến thành Ba-la-nại nói rằng: tướng tịch diệt của các pháp

không thể dùng ngôn từ để nói mà chỉ dùng lực phương tiện” cho nên vì năm Tỳ-kheo mà nói. Đây cũng nói rõ tại vườn Lộc Uyển nói pháp ba thừa. Nay căn cứ trong đoạn thứ ba này tự có bốn phần: 1. Khen ngợi việc dùng ba thứ xe; 2. Chỉ ra chỗ của xe; 3. Khuyên lấy ba xe; 4. Hứa cho ba xe.

“Không hư vọng mà nói” trở xuống đến “sau ất buồn ăn năn” là nói lên Trưởng giả khen ngợi ba thứ xe tức ngụ ý nói Như Lai khen ngợi giáo nghĩa ba thừa. Tức phần hợp thí dụ bên dưới nói: “các ông nên biết pháp ba thừa này đều là chỗ khen ngợi của bậc Thánh”. “như xe dê, xe hươu, xe trâu này nay ở tại ngoài cửa, các con có thể dùng để rong chơi” là nêu lên Trưởng giả chỉ ra chỗ để ba thứ xe cho các con tức cũng ngụ ý nói đức Như Lai chỉ ra chỗ chứng quả cho người ba thừa thấy rõ. Ba xe để ở bên ngoài cửa tức là nói Tận, Vô sanh trí của người ba thừa đang ở ngoài ba cõi. Nếu cùng đoạn trừ hết phiền não kiết sử của ba cõi thì được thoát ra khỏi ba cõi và chứng đắc Tận, Vô sanh trí cho nên nói chỉ ra chỗ để ba xe. “các con ở trong nhà lửa này, nên mau chóng ra đây” là nói lên Trưởng giả khuyên các con mau đến lấy ba thứ xe tức cũng ngụ ý nói đức Như Lai khuyên người ba thừa tu hành để đạt được Tận Vô sanh trí. Phần hợp thí dụ bên dưới nói: “ông nên siêng năng tinh tấn tu hành”. “tùy ý các con muốn, đều sẽ đem cho cả” là nêu lên Trưởng giả hứa cho ba thứ xe chứ không hề hư dối tức ngụ ý Như Lai bảo người ba thừa rằng” các ông phải tu đạo đối trị vô lậu để đoạn trừ hết phiền não của ba cõi nhằm ra khỏi ba cõi bảo đảm sẽ chứng đạt Tận Vô sanh trí”. Phần hợp thí dụ bên dưới nói: “Ta vì ông mà bảo đảm sự việc này không có hư dối”. “Bấy giờ, các người con, nghe cha nói vật quý báu” trở xuống là nêu lên các người con thọ nhận và thực hiện theo. Thí dụ này, tương ứng với phần thứ ba trong Phẩm Phương Tiện nói “liền có tiếng nói Niết-bàn và vì A-la-hán, tên Pháp, Tăng sai biệt” tức nói rõ người của ba thừa thọ nhận và hành trì mà đạt được Thánh đạo. Nay căn cứ trong đoạn này tự có bốn phần: 1. Xuống đến “nên lòng mỗi người đều mạnh mẽ” là nói lên chúng sanh nghe giáo nghĩa của ba thừa liền sanh khởi thiện căn thoát khỏi hàng phàm phu; 2. “xô đẩy lẫn nhau” gồm một câu, thí dụ chúng sanh khi nghe giáo ba thừa tu hành bước lên địa vị nội phàm, tuy xô đẩy nhau vẫn chưa được ra khỏi cửa. Vì sao? Vì nội phàm còn bị ràng buộc nếu tu hành hàng phục phiền não tức là nghĩa chuyển động. Nếu không đoạn trừ kiết sử để ra khỏi sanh tử tức là chưa chuyển động hoặc cũng có chuyển động nhưng không thể chuyển động ra ngoài; 3. “cùng đua nhau ruổi chạy” gồm một câu tức thí dụ chỉ cho

chúng sanh nghe nói giáo ba thừa liền tu hành đạt được vô lậu và nhập hành vô tướng trở thành bảy hạng người Hữu học. Mỗi người tu vô lậu đoạn trừ phiền não tức là “tranh đua”. Đồng quán sát lý vô tướng tức là “cùng”. khởi tâm cầu tiến tức là “ruổi chạy”; 4. “Tranh ra khỏi nhà lửa” gồm một câu thí dụ chỉ cho bảy hạng người Hữu học tu hành bên chứng quả A-la-hán, thoát ra ngoài ba cõi và đạt Tận Vô sanh trí. Kia và đây mỗi người đều có sự chứng đắc khác nhau ví như là “tranh đua”. Ba câu trước thêm ra, ở phần pháp thuyết bên trên vốn không có, chỉ có một câu sau vì pháp thuyết mà làm ra thí dụ.

“Lúc ấy, Trưởng giả thấy các con, an ổn được ra khỏi” trở xuống đến “lại không có chướng ngại” là Thí dụ thứ năm: Trưởng giả thấy các con thoát khỏi nạn lửa. Thí dụ này tương ứng với phần thứ năm trong Phẩm Phương Tiện. Trong phần ấy nói “Xá-lợi- phát nên biết ta thấy các Phật tử, chí ham cầu Phật đạo, vô lượng ngàn muôn ức” tức nói rõ Như Lai thấy các chúng sanh phát khởi căn cơ Đại thừa. Trong đây cũng nên thông suốt phát khởi căn cơ Đại thừa cho Hữu học và Vô học, nhưng trong văn thí dụ lược bớt chỉ nêu lên người Vô học. Sở dĩ như vậy là vì muốn khuyên dụ khen ngợi người Vô học. Do người Hữu học chưa đoạn hết sạch kiết sử cho nên chê trách là hạng người hạ liệt, A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát đã đoạn sạch hết kiết sử cho nên khen là thù thắng.

Hỏi: Nếu như vậy người Vô học chắc chắn phải phát khởi căn cơ Đại thừa trước còn bảy hạng người Hữu học phải phát khởi căn cơ Đại thừa sau và hiểu cũng như vậy?

Đáp: Vốn không nhất định người Vô học ắt phải phát khởi căn cơ Đại thừa trước còn người Hữu học phải phát khởi căn cơ Đại thừa sau, như luận cứ ông đã hỏi tức người có thù thắng hay hạ liệt, người Hữu học thì thấp kém còn người Vô học thì thù thắng vậy. Nay xét thí dụ này tự có hai phần: 1. “Bấy giờ, Trưởng giả thấy các con, an ổn được ra khỏi” tức nói rõ chúng sanh đoạn trừ hoặc chướng mà ra khỏi ba cõi để đạt được quả Vô học; 2. “Đều ở ngã tư đường” trở xuống chính là nêu lên việc phát khởi căn cơ Đại thừa. “Ngã tư đường chính là Đông Tây đều thông suốt và Nam Bắc giao thông” tức nói rõ bốn bề đều không có cản trở. “Đất trống” là nói rõ nghĩa ngã tư đường bên trên. Lại “không còn chướng ngại” tức năm xứ không có cản trở tức là nói rõ người đã phát khởi căn cơ Đại thừa thì năm thứ như uế không thể gây chướng ngại đối với họ. Câu dưới tức giải thích “bốn bề đều không có chướng”. “lại nói vô ngại” tức giải thích sự vô ngại ở trên.

“Tâm ông thư thái, vui mừng hơn hở” trở xuống là thí dụ Trưởng giả thấy các con thoát khỏi nạn nên sanh tâm hoan hỷ tức tương ứng với phần thứ bảy trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “ta liền suy nghĩ” trở xuống đến “nay ta vui vẻ không sợ” gồm hai hàng một câu nói rõ Như Lai thấy người trong ba thừa phát khởi căn cơ Đại thừa cho nên sanh hoan hỷ. Nhưng trong thí dụ căn bản ở trên vốn có hai phần: 1. Có hai hàng kệ nói rõ nguyên do đưa đến sự hoan hỷ. Nay không lấy đó làm thí dụ; 2. “ta nay vui không sợ” gồm một câu chính nói rõ sự hoan hỷ. Nay chính vì đây mà tạo ra thí dụ. Tuy nhiên, việc phát khởi căn cơ Đại thừa là bản ý của Như Lai cho nên nói “tâm ông thư thái, vui mừng hơn hở”.

“Lúc ấy, các người con, đều thưa cha rằng: Cha lúc nãy hứa cho những đồ chơi tốt đẹp, nào là xe dê, xe hươu, xe trâu nguyện nay xin ban cho” là thí dụ thứ bảy các người con đòi xe. Thí dụ này tương ứng với phần thứ sáu trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “tất cả tâm cung kính, đều đến chỗ Như Lai, cũng từng theo chư Phật, nghe nói pháp phương tiện” gồm một hàng kệ nêu lên người trong ba thừa muốn cầu quả vị. Chỗ cầu quả vị tức là quả vị Tiểu thừa xưa kia. Sự phát khởi Đại thừa ở trên là thuộc phần thứ năm. Cầu quả vị là thuộc phần thứ sáu. Phật hoan hỷ là thuộc phần thứ bảy. Đây là nói rõ nghĩa “một thời” vì khi phát khởi căn cơ Đại thừa tức là cầu quả vị đã hứa xưa kia. Và khi cầu quả vị tức là khi phát khởi căn cơ Đại thừa. Thời gian tuy không có nghĩa trước sau nhưng có khởi đầu và kết thúc. Do vậy, chỉ có thể nói vì phát khởi căn cơ Đại thừa mà cầu quả vị, chứ không thể nói do cầu quả vị nên phát khởi căn cơ Đại thừa. Trong thí dụ này, trước nêu lên Phật và sau nêu lên việc cầu quả vị. Đây là lấy thân và sơ làm nghĩa. Việc phát khởi căn cơ Đại thừa hôm nay là chủ yếu chứ việc cầu quả vị chẳng phải là điều chủ yếu. Tại sao biết như vậy? Chính vì nói rõ việc phát khởi căn cơ Đại thừa xứng hợp bản tâm của Như Lai cho nên Phật hoan hỷ là sau khi có người phát khởi căn cơ Đại thừa. còn tâm cầu quả vị là cầu quả Tiểu thừa như chỗ đã hứa xưa kia, đây là tâm mê hoặc điên đảo, không thể hiểu ý phương tiện. Sao gọi là chủ yếu? do đó biết được nghĩa “cầu quả vị” bắt buộc sau đó Phật hoan hỷ. Nay lược thuật nghĩa đòi xe gồm có bốn nghĩa chính tuy nhiên trong việc lược thuật và giải thích có bất đồng: 1. Nói lên thể tướng của ba thứ xe; 2. Nói lên nghĩa đòi xe; 3. Nói lên việc có đòi và không đòi xe; 4. Thuật lại các người giải thích. Thứ nhất (có hai câu hỏi đáp) do các luận sư biên tập có ý bất đồng mà dẫn đến mỗi cách hiểu có khác nhau. Từ xưa đến nay,

theo nghĩa cũ thì thể và dụng đều thông khắp. Có người giải thích: cầu xe báu lớn là như trong văn kinh nói “Bấy giờ, Trưởng giả đều ban cho các con một loại xe lớn”. Nếu không muốn cầu xe lớn tại sao lại đem xe lớn mà cho tức thời? Ý của các Luận sư biên tập cho rằng không đúng. Vì văn trước nói “lúc ấy các người con, đều thưa cha rằng: cha trước đã hứa cho ba thứ xe báu vậy xin cha ban cho”. nếu nói cầu xe lớn cố gì lại đòi ba xe? Do đó biết được, xưa kia hứa cho ba thứ xe nhỏ đã nói “cha trước hứa” tại sao gọi là đòi xe lớn? Các người con tức là người của ba thừa. và ba thừa không thể một cho nên nói “Các”. Ba loại xe báu tức là xe dê, xe hươu, xe trâu tức thí dụ quả cứu cánh của người Vô học A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát. Xe lớn bằng báu quý là loại bình đẳng không có ba thứ sai biệt tức là thí dụ trong kinh Pháp Hoa ngày nay vì chúng sanh được thọ ký đồng chứng quả Phật. Và lại từ Trưởng giả xưa ở tại trong cửa, khi hứa thì ở bên ngoài cửa lấy ba xe ban cho, nay các con có khổ ở trong cửa chạy ra ngoài cửa để được xe cho nên vui vẻ. Và đã ra ngoài cửa lại không thấy xe cho nên phải đến bên cha mà đòi xe, thì đâu có liên quan đòi xe lớn?

Hỏi: Đã không đòi xe lớn thì cố gì lại đem cho?

Đáp: Dùng Đại thừa hóa độ Tiểu thừa cho nên cho xe lớn.

Hỏi: Nếu khiến đòi xe nhỏ mà cho xe lớn thì cũng nên đòi xe lớn mà cho xe nhỏ?

Đáp: Pháp tướng không như vậy, sao cầu thả nói không riêng biệt ba xe nhỏ chỉ là một xe lớn? Nay cho xe lớn chỉ vì phát khởi căn cơ Đại thừa cho nên gom ba xe nhỏ xưa thành một xe lớn ngày nay. Do đó hôm nay cho một xe lớn thì theo đạo lý có thể phù hợp. Lại có người giải thích đây là nói lên sự mong cầu ngôn giáo. Lại có người giải thích rằng đây là trong căn cơ có sự mong cầu tức thời. Các Luận sư biên tập căn cứ ở tình để nói rõ ý mong cầu, còn phần sau sẽ nói rõ thể tướng của ba xe.

Thứ hai (có chín câu hỏi đáp) đại khái nêu ra công đức của quả địa bao gồm có hai loại: quả hữu vi và quả vô vi. Trong quả vô vi tự có hai loại: 1. “Nhân đều là vô vi” tức là đã đoạn trừ sạch nhân của ba cõi, 2. “Quả đều là vô vi” tức là quả của ba cõi đã diệt mất. Hai loại vô vi này chẳng phải là thể của xe. Làm sao biết được? Kinh này tuy không thể giống như nói thường như vậy, mà muốn nói rõ nghĩa “điều khiển” tức kiết sử xưa kia đã được đoạn tận không còn nữa cho nên lấy đó làm quả. Xe hai thừa lấy sự vận chuyển làm công dụng nhưng nay hai thứ vô vi này vốn không có nghĩa vận chuyển cho nên chẳng phải là thể của

xe, tức là hai loại vô vi tạm để qua không bàn luận đến.

Nay xét theo quả hữu vi thì gồm có hai loại: công đức và trí tuệ nhưng hai thứ công đức và trí tuệ này rất khó nói rõ. Tương phân biệt hai loại hiện có nêu rõ ở “Niết-bàn nghĩa ký”. Nay tóm lược thuật tướng ấy để lập tôn chỉ của nghĩa. Chính nhận lấy và dựa vào cảnh để tu hành tức là công đức. Cho nên như nhờ duyên để bố thí, dựa vào cảnh để tu định, nhưng tu thiền định phán quyết thời gian nhanh chóng không thể làm xong, nếu cảnh trước có tốt hoặc xấu thì dựa vào một cảnh tốt được tu tứ thiền, còn dụng của trí tuệ không thể như vậy. Nay dụng tâm chiếu soi cảnh mà biết được trí của khổ và tập chẳng phải là trí của diệt và đạo thế thì dụng của công đức là dựa vào cảnh để tu tâm, còn dụng của trí tuệ là dùng tâm để chiếu cảnh. Hơn nữa, trí tuệ đứng đằng sau “ngã” mà chiếu cảnh còn công đức hướng về “ngã” mà tu tâm. Nay nói rõ thể của xe lại không thể dùng nghĩa công đức. Vì sao? vì dụng của công đức không có nghĩa vận chuyển, nên chỉ lấy nghĩa trí tuệ làm thể của xe. Trí tuệ lại có nhiều loại chứ chẳng phải một thứ. Nay căn cứ vào cảnh để kiểm định mà nêu ra mười trí sau: 1. Khổ trí; 2. Tập trí; 3. Diệt trí; 4. Đạo trí; 5. Danh tự trí; 6. Pháp trí; 7. Tỷ trí; 8. Tha tâm trí; 9. Tận trí; 10. Vô sanh trí. Tuy có mười trí nhưng nay do luận rõ về thể của xe nên chỉ lấy Tận trí và Vô sanh trí làm thể của xe; tám trí còn lại chẳng phải là thể chánh của xe. Tuy chẳng phải là thể chánh của xe nhưng có thể là phụ tùng cần thiết của xe. Sở dĩ nói trí thuộc bốn đế chẳng phải thể của xe là vì vốn nói “xe ở bên ngoài cửa”. nếu nói trí thuộc bốn đế là thể của xe thì bảy hạng người Hữu học đã đầy đủ trí bốn đế. Do đó biết được trí bốn đế không phải thể của xe. Lại nói trí danh tự không phải thể của xe tức vì biết danh tự của pháp tức là trí danh tự. Chẳng những bảy hạng người Hữu học có trí danh tự mà ngay cả hàng phàm phu cũng có trí danh tự cho nên biết trí danh tự chẳng phải thể của xe. Pháp trí là biết pháp hiện tại nên mới gọi là pháp trí. Phàm phu và bảy hạng người Hữu học đều biết pháp hiện tại cho nên biết pháp trí chẳng phải thể của xe. Do vốn nói so sánh để biết pháp quá khứ và vị lai nên gọi là Tỷ trí. Hàng phàm phu và bảy hạng người Hữu học có thể so sánh biết được pháp quá khứ, vị lai nên biết Tỷ trí chẳng phải là thể của xe. Sở dĩ nói tha tâm trí chẳng phải là thể của xe là vì hàng ngoại đạo có năm thứ thần thông có thể đạt được tha tâm trí cho nên biết trí này chẳng phải là thể của xe. Do những điều trên cho nên biết được chỉ có Tận trí và Vô sanh trí là thể của xe.

Hỏi: Nếu Tận trí và Vô sanh trí là thể của xe thì ba hạng người

Vô học chỉ có hai trí ấy chứ không có tám trí còn lại và bảy hạng người Hữu học chỉ có tám trí mà không có hai trí kia?

Đáp: người Vô học La-hán tự có đầy đủ mười trí. Nhưng đối với mười hoại trí họ chỉ lấy hai thứ trí kia làm thể của xe, tám trí còn lại chẳng phải là thể của xe. Nếu luận bảy hạng người Hữu học thì cũng có Tận trí và Vô sanh trí nhưng có pháp không giống nhau. Như Tu-đà-hoàn dùng trí chiếu soi tận trừ nhân ba đường ác tức là Tận trí. Nếu chiếu soi tận trừ quả của ba đường ác tức là Vô sanh trí. Nay bảy hạng người Hữu học do còn sanh vào trong ba cõi thì làm sao có được Tận trí và Vô sanh trí! Hơn nữa, ba xe tự nó vốn ở bên ngoài cửa, nếu nói bảy hạng người Hữu học lấy Tận trí và Vô sanh trí làm thể của xe thì ba xe trở thành ở bên trong cửa.

Hỏi: Nếu như vậy, bảy hạng người Hữu học chỉ có tám trí mà không có đầy đủ mười trí chẳng?

Đáp: Bảy hạng người Hữu học trí duyên nơi nhân quả đời sống khác hết tức là Tận trí và Vô sanh trí.

Hỏi: Nếu như vậy, bảy hạng người Hữu học có Tận trí và Vô sanh trí tức là thể của xe?

Đáp: Vốn đã nói “sanh ta đã hết, không còn thọ lại đời sau nữa. Nay trí duyên đời sống khác mà sanh nên ta không được vô sanh” chẳng khác gì người bản cùng suốt đêm ngày ngồi đếm tiền tài, báu vật của người khác!

Hỏi: Quả địa Vô học đều có đủ mười trí. Nhưng nay lấy nghĩa gì mà nói chỉ dùng Tận trí và Vô sanh trí làm thể của xe?

Đáp: Tận trí và Vô sanh trí đều có hai nghĩa cho nên được đem làm thể của xe. Hai nghĩa ấy chính là “quả thời hữu” và duyên quả khởi. “quả thời hữu” tức là tâm kim cang bền vững của A-la-hán khi đoạn trừ kiết sử đã tận thì lúc ấy chưa có quả tối cực. Chỉ khi thành tựu quả vị Vô học thì mới có Tận trí và Vô sanh trí này cho nên mới gọi là “quả thời hữu” “duyên quả khởi” tức là đã thành tựu địa vị Vô học. Nhưng khi ấy, nhân hết thì gọi là hữu dư Niết-bàn còn quả hết thì gọi là vô dư Niết-bàn. Lúc ấy, duyên quả trong ba cõi của Ngã diệt mất là Vô sanh trí tức là “duyên quả khởi”. Do vậy, có duyên đạt được rồi chứng đắc tức là “quả thời hữu” còn duyên chứng đắc quả tức là “duyên quả khởi”. Vậy “quả thời hữu” cố gì không làm thể của xe? Vì thể căn bản là duyên “sanh ta đã hết, ta không còn thọ thân sau nữa” nhưng diệt trí thì không phải như vậy cho nên không được làm thể.

Hỏi: Nếu “sanh của ta đã tận, ta không còn trở lại thọ thân sau

nữa” thì cũng nên nói rộng” duyên vào diệt trí của ta là “ngã hữu”?

Đáp: Diệt trí này có hai nghĩa cho nên không làm thể của xe. Hai nghĩa ấy là: 1. Duyên vào người khác để diệt tức là duyên diệt để khắp thiên hạ; 2. Công dụng trí tức khi thấy diệt để thì đoạn trừ kiết sử nhưng chưa hẳn đều là duyên quả khởi. Nay Tận trí đối chiếu thành hai nghĩa chỉ có duyên đối với ta chứ không có duyên đối với người khác. “Vô học thời hữu” chẳng phải là công năng dụng trí.

Hỏi: Nếu Tận trí và Vô sanh trí là thể của xe thì nay khi đắc nghĩa A-la-hán thường nói lúc ấy đã chứng đắc Vô sanh trí, nhưng báo thân của A-la-hán còn là pháp ở trong ba cõi. Nếu như vậy thì ở trong ba cõi chứng được hai trí này, tức là hai trí thuộc pháp bên trong của ba cõi, vậy tại sao nói ba xe ở bên ngoài cửa?

Đáp: Vì khi chứng được hai trí, thật sự Như Lai chỉ định không thể gọi hai trí này là pháp ở bên trong ba cõi. Làm sao biết được? Vì hai trí này khi khởi lên ắt duyên với cảnh mà sanh ra, duyên “nhân” của ba cõi đã tận. Đây tức là nêu rõ tâm ở ngoài ba cõi chiếu soi quả của ba cõi khiến diệt mất, cũng là nêu ra ý ngoài ba cõi cho nên duyên cảnh giới mà nghĩa có sai biệt. Do đó biết được, đây chẳng phải là pháp ở trong ba cõi.

Hỏi: Tướng mạo ở trong và ngoài cảnh giới như thế nào mà có sự cao thấp gây trở ngại khiến đàm luận khác nhau?

Đáp: Phạm trong ngoài phân dòng tức chưa chắc chắn nên đàm luận có thắng thua, hơn kém, chính là quả báo cách nhau rất rõ, nên gọi đó là trong ngoài.

Hỏi: Nếu khiến đắc A-la-hán, thì khi ấy đã chứng hai thứ vô vi, tức là Tận trí và Vô sanh trí chẳng phải thể của xe. Làm sao biết được? Vì xe vốn vận chuyển đưa người đến Niết-bàn và lúc ấy đã chứng được hai thứ Niết-bàn rồi cho nên biết hai trí không phải là công dụng của xe?

Đáp: Khi đắc A-la-hán thì đã đạt được hai loại Niết-bàn. Nhưng khi nhập vào vô dư Niết-bàn thì ý chỉ của nghĩa này mới biểu hiện. Làm sao biết được? Vì khi nhập vào vô dư Niết-bàn thì lúc ấy nghĩa nhân đã tận và hiển bày nghĩa quả cũng đã tận cho nên công năng của hai trí vận chuyển nhập vào khiến hiển bày nghĩa. Nếu không như vậy thì sao gọi là đạt được nghĩa “có quả Thừa ư”!

Thứ ba xét rõ nghĩa “đòi xe” có bảy câu hỏi đáp. Đây tức lấy việc đòi lấy, cầu xin lấy làm nghĩa. Xe là lấy sự chuyên chở làm công dụng. Nay vật muốn đòi lấy là xe nên nói là đòi xe. Ngày xưa khi đoạn chánh kiết hết thì thoát ra ngoài ba cõi mà chứng đắc Niết-bàn vô vi. Do đã

tùy thuận Phật giáo mà tu hành đoạn kiết sử nên kiết sử đã hết và thành tựu quả Vô học. Tuy nhiên, A-la-hán và Bích-chi Phật có ba trí chiếu soi. Dùng trí thiên nhãn để dạy bảo quán chiếu vị lai còn có sanh tử nên tự biết sau khi chết không vào Niết-bàn. Vì xưa Phật khuyên dạy chỉ khi nào tu hành đoạn trừ hết phiền não của ba cõi, đạt được Vô sanh trí mới nhập “vô dư Niết-bàn” chính là nói chiếu rõ “nhân sanh” hết thì Tận trí hiển bày đầy đủ; chiếu soi thấy “quả sanh” diệt mất thì Vô sanh trí được hiển bày đầy đủ. Nhưng nay biết “nhân sanh” chưa tận nên tận trí chưa hiển bày đầy đủ và do còn có quả sanh nên Vô sanh trí chưa thể hiện đầy đủ. Như Lai nói “đoạn trừ chánh sử thì đắc đầy đủ Tận trí và Vô sanh trí” là nghĩa nào vậy? Đây tức là nghĩa “đòi xin” lúc ấy, tức có dùng lý mê hoặc giáo, hoặc lấy giáo mê hoặc lý. Nếu lấy lý mê giáo tức có nghĩa “đòi xe” và nếu lấy giáo mê lý tức không có nghĩa “đòi xe”. Nay hiện thấy sanh tử chưa hết, sao gọi là được nhập Niết-bàn? Sanh tử đã chưa hết thì Phật dạy cớ gì nói đoạn chánh sử hết thì được nhập Niết-bàn? Nay, nơi cứu cánh của hai trí là ở chỗ nào? Đây tức dùng lý mê hoặc giáo có nghĩa “đòi xe”. Nhưng Phật là bậc chí nhân, thành thật nói không có hai lời, đã nói “đoạn trừ hết kiết sử tức nhập Niết-bàn” lời Phật nói không hề sai trái thì tại sao không tin? Như nay thấy sanh tử chắc gì là sanh tử? liền nói “sự sanh tử của ta đã hết, mọi việc làm đã hoàn tất” tức tự nói sự rốt ráo của hai trí đã được nhập vào vô dư Niết-bàn. Đây tức dùng giáo mê lý nên không có nghĩa “đòi xe”. Nay nói rõ nghĩa đòi xe chính là lấy lý mê giáo mà không lấy giáo làm mê lý. Do vậy, ba hạng người Vô học đều lấy lý mê giáo nên đều có nghĩa đòi xe. Xưa kia tư duy của kiến đạo, kiến đế là nghĩa nhân sanh tử, những tu tập ngoài khác không phải nhân sanh tử mà giống như vô ký. Đây chính là đàm luận về giáo chứ chẳng phải đàm luận về lý.

Hỏi: Ba hạng người Vô học dùng lý mê giáo nên có nghĩa đòi xe tức có xe để đòi lẽ ra đều đòi một loại xe?

Đáp: Ý chỉ chân thật của Như Lai chính là nói Phật chỉ nói “một nghĩa giải thoát”. Do sự giải thoát ngang bằng nhau cho nên nói ba xe cũng như một xe.

Hỏi: Nếu nói nghĩa giải thoát bằng nhau tức ba xe như nhau thì không nên có ba loại xe dê, xe hươu, xe trâu có tính hơn kém khác nhau?

Đáp: Do đoạn trừ sạch kiết sử của ba cõi mà đều đạt được Tận trí, cũng đồng chiếu soi thấy quả của ba cõi bị diệt mất nên đạt được Vô sanh trí. Do vậy, ba hạng người Vô học tuy có hai trí nhưng chỉ là

một loại và cũng đoạn trừ nhân quả ràng buộc của ba cõi nên nghĩa giải thoát bằng nhau. Sở dĩ có xe dê, xe hươu, xe trâu với tính ưu việt và hạ liệt khác nhau là vì Thanh-văn chỉ đoạn trừ các cành nhánh biệt tướng của kiết sử, chỉ có thể gánh vác trách nhiệm rất thấp kém nên ví dụ như xe dê, Duyên-giác đã thâm nhập đoạn trừ tập khí nhỏ, tri kiến hơi rộng nên mới lấy xe hươu để làm thí dụ, Bồ-tát do đoạn trừ sạch hết tập khí phiền não tri kiến viên mãn và công năng vận chuyển rất mạnh nên ví dụ như xe trâu. Do trách nhiệm nặng nhẹ, thấy biết có sai biệt cho nên mới có ba thứ xe với tính ưu thắng và thấp kém khác nhau.

Hỏi: Nếu tập khí chẳng phải “chánh sử” thì tại sao nói đoạn trừ khiến cho mất?

Đáp: Vì ngăn ngừa tập khí thấy biết cho nên đoạn sạch.

Hỏi: Nếu như vậy thì nơi tập khí được đoạn sạch tức tạo ra Tận trí và Vô sanh trí?

Đáp: Vốn đoạn sạch nhân quả của ba cõi thì đạt được hai trí này. Nay, tập khí chẳng phải là nhân của ba cõi sao gọi là nơi tập khí đã được đoạn sạch thì tạo ra hai trí!

Hỏi: Nếu không có chỗ đoạn trừ hết tập khí mà tạo ra hai trí thì có gì đoạn tập khí này?

Đáp: Cũng như trước giải thích: vì muốn tích tập tri kiến rộng lớn thì đâu có mở làm hai trí!

Hỏi: Tri kiến tức là Tận trí và Vô sanh trí, vậy Tận trí và Vô sanh trí chỉ là tri kiến thì sao tránh né gọi Tận Vô sanh trí mà gọi là Đạo tri kiến?

Đáp: Do nói về tên tri kiến thì giống nhau nhưng ý thì khác nhau. Nếu khi thành tựu bậc Vô học thì có hai trí này xuất hiện. Điều này có hai nghĩa, đầy đủ như trước đã nói.

Hỏi: Sau khi thành tựu bậc Vô học, vì muốn rộng tích tập tri kiến mà đạt được sự thấy biết này, ắt phải đoạn trừ tập khí mới đạt được cho nên trí trở thành công dụng, vậy tại sao nói cùng với Tận trí và Vô sanh trí đồng nhau? Nếu A-la-hán do có sanh tử mà không được nhập vào Niết-bàn thì tất cả người hành hạnh bậc Vô học đều không được nhập vào vô dư Niết-bàn cho nên không thể nói “A-la-hán tâm đã được tự tại”

Đáp: Từ trên đến nay lại chính là nói rõ việc có lý và có giáo. Nếu xét rõ thật lý thì không từng nhập vào vô dư Niết-bàn rồi nhưng không thể đoạn diệt! Nếu xét theo giáo mà luận đã được nhập Niết-bàn vì giáo xưa kia không nói bên ngoài ba cõi sanh tử cho nên lấy giáo mê lý

mà được nhập Niết-bàn tức tâm A-la-hán được mang nghĩa tự tại.

Thứ tư, nói rõ có nghĩa đòi xe và không đòi xe (có một câu hỏi đáp). Bảy hạng người Hữu học đều không có nghĩa “đòi xe”. Ba hạng người Vô học A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát đều có nghĩa “đòi được xe”. Trưởng giả trước đó nói ba xe đang ở ngoài cửa, chỉ ra khỏi ngoài cửa, sẽ cho ba xe. Nay bảy hạng người Hữu học còn ở bên trong cửa thì tại sao ở bên trong cửa mà cầu được xe? Nếu khiến họ ra khỏi cửa mà tìm xe, thì không được khả năng đến bên cha mà đòi. Nếu nhân quả của ba cõi chưa đoạn hết thì sao nói cầu đạt được Tận trí và Vô sanh trí? Cho nên, chỉ có ba hạng người Vô học mới thoát ra khỏi ba cõi. Lúc ấy, vì lý mê giáo cho nên có nghĩa “đòi xe”.

Hỏi: Nếu không có xe thì cũng nên không có thành để đi vào. Nếu đã có thành để có thể đi vào thì cũng nên có xe để cưỡi?

Đáp: Nếu dùng lý mê giáo thì không có xe nên phải đòi xe. Nếu chấp giáo mê lý thì có thành có thể đi vào. Thành đây tức căn cứ vào nơi xa có thể biến hóa làm ra và xe ở bên ngoài cửa có thể vì mê ám mà nói.

“Xá-lợi-phất, bấy giờ Trưởng giả đều ban cho các con một thứ xe lớn” trở xuống là thí dụ thứ tám Trưởng giả đều ban cho xe lớn. Thí dụ này tương ứng với phần thứ tám của Phẩm Phương Tiện nói “đối với Bồ-tát, ta bỏ đi phương tiện mà chỉ nói đạo vô thượng” tức nói rõ Như Lai vì người của ba thừa mà thuyết Pháp Hoa. Nay căn cứ trong thí dụ này tự có hai đoạn: 1. Song song khai mở hai chương môn; 2. Từ “xe ấy cao rộng” trở xuống tức là giải thích rộng hai chương môn ở trên. Chương đầu nói “ban một loại xe cho các con” gồm một câu trước hết nói tâm của Trưởng giả bình đẳng tức ngụ ý chỉ cho Như Lai nay bình đẳng nói kinh Đại thừa cho người của ba thừa khiến họ đều đạt được quả vị viên mãn vi diệu. Chương tiếp nói “một xe lớn” gồm ba chữ tức nêu lên sự ban phát xe tức ngụ ý nói Như Lai đồng đem quả vị tối thượng vi diệu cho đại chúng. “xe ấy cao rộng” trở xuống tức là rộng giải thích hai phần vừa nêu ở trên. Nay trước hết rộng giải thích chương sau. Từ “nhưng suy nghĩ” trở xuống tức là rộng giải thích chương đầu. Lại nữa, sự giải thích rộng hai chương môn này mỗi thứ có hai phần. Nay giải thích nghĩa “xe rộng lớn” cũng bao gồm có hai: 1. Trước hết rộng nêu lên tướng của xe rộng; 2. Từ “vì sao như vậy” trở xuống tức giải thích ý “Trưởng giả được có xe lớn này”. Nay nói “xe ấy cao rộng” tức là đối với thuở xưa chỉ đoạn trừ kiết sử của ba cõi tận hết nên đạt được Tận trí và Vô sanh trí làm quả. Tuy nhiên, quả này hẹp mà lại ngắn. Nay nói rõ

người hành ba thừa giáo đều thành tựu Bồ-tát và được thọ ký làm Phật. Nhưng quả Phật này siêu vượt ra ngoài năm trăm do tuần nên gọi là nghĩa “cao”. Lại do thu nhiếp khắp các công đức và trí tuệ cho nên gọi là “rộng”. Đức ấy tròn đầy cho nên nói “các báu trang nghiêm”. pháp tổng trì biến khắp tức ví dụ nói “lan can bao quanh”. Trong bốn pháp biện tài của Như Lai thì ở đây nói rõ từ biện tài. Âm hưởng vi diệu ấy thường hiện hữu để hóa độ bốn loài chúng sanh cho nên nói “bốn phía đều có treo linh báu”. “Màng lọng rất cao che phủ nên trên” trở xuống là thí dụ cho các đức đại từ, đại bi của Phật quả. Hai thứ đức này cao vời, thù thắng có thể che khắp và nuôi dưỡng chúng sanh đồng thời đem ân ban bố an vui và trừ khổ cho họ. Lại nữa, có nhiều thứ công đức trang nghiêm cùng với từ bi này cho nên nói “Nhiều loại trân báu kỳ lạ để trang hoàng”. Bốn hoàng thệ nguyện của Như Lai như “các dây bằng báu kết thắt”. Nhưng nếu không có kết tất thì dễ dàng rơi lại, tổn hoại. Điều này ngụ ý muốn nói rõ thánh như tuy có đại từ, đại bi nhưng nếu không có nhậm trì bốn thứ hoàng thệ nguyện thì từ bi ấy có thể thối lui. “Người chưa hiểu khiến được hiểu, người chưa được độ khiến được độ” hai thệ nguyện này trì giữ đại bi để cứu khổ cho chúng sanh. “Người chưa an khiến được an, người chưa chứng Niết-bàn khiến được chứng Niết-bàn” hai thệ nguyện này gìn giữ đại từ ban vui. “các chuỗi hoa rũ xuống” khiến người ưa nhìn ngắm” tức không khác bốn nhiếp pháp dùng để nhiếp hóa chúng sanh. “Nệm chiếu mềm mại chồng lên” tức là loại nệm lông mềm mại. Tuy nhiên vật trong xe này tức dụ cho Phật quả có đầy đủ các thiền định. “Gối đỏ” đây chính là phát ra sắc trung đạo. Ví như Tô định phát ra công đức vô tướng. Do xét tâm đến quả tối thượng mà tu tập nên nói là cưỡi. Chơn vô lậu như “Trâu trắng” có khả năng đoạn trừ vô minh hắc ám cho nên nói là “trắng” do hiểu lý của hai đế là pháp chân thật nên nói là “da căng đầy”. do thể sáng suốt thanh tịnh không bị pháp trần gây ô nhiễm nên nói là “sắc sạch”. Lại nữa, do có thể đoạn trừ đại họa vô minh cho nên nói “có sức rất mạnh”. Tâm hiểu lý hai đế cho nên nói “Bước đi ngang bằng”. Do đoạn trừ khổ sanh tử và nhanh chóng đạt đến niềm an vui ở Niết-bàn cho nên nói “mau lẹ như gió”. Lại có nhiều đệ tử theo học từ Tín trở lên cho nên nói “lại có nhiều tôi tớ” “vì sao như vậy” trở xuống là giải thích ý Trưởng giả có được xe lớn này. Nói “bảy thứ trân bảo vô cùng đều đầy đủ” là nói rõ biết Như Lai chất chứa nội đức nở trong như “đầy”. Lại có đức hóa tha bên ngoài như “tràn”. “Mà lại suy nghĩ tài vật này của ta” trở xuống là rộng giải thích chương môn “tâm bình đẳng”. nay trong phần rộng

giải thích này có hai phần: 1. Nói rộng tâm bình đẳng; 2. Từ “vì sao như vậy” trở xuống là giải thích ý “tâm bình đẳng”.

Hỏi: Phật quả này vốn là diệu quả của tất cả chúng sanh trong tương lai, vậy tại sao nói “Như Lai đem quả Phật này cho chúng sanh?”

Đáp: Đây thật là Phật quả của chúng sanh nhưng phải cần ngoại duyên. Nếu không có Như Lai nói lên phương pháp hành nhân để đạt đến quả thì chúng sanh không thể lìa sanh tử này để xa hưởng đến Niết-bàn. Nếu không như vậy thì sao trong kinh lại nói nghĩa thọ ký!

“Bấy giờ các người con, đều có được xe lớn, đặng điều chưa từng có, chẳng phải chờ mong cầu” là thí dụ thứ chín. Các người con có được xe lớn nên sanh tâm vui vẻ. Thí dụ này tương ứng với phần thứ chín trong Phẩm Phương Tiện ở trên. Nói “Bồ-tát nghe pháp này, đều dứt sạch lưới nghi, ngàn hai trăm La-hán, cũng sẽ được làm Phật” tức nói rõ nghĩa người của ba thừa thọ nhận và tu hành giáo nghĩa Đại thừa.

“Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao?” trở xuống là thí dụ nói không hư dối. Thí dụ này tức tương ứng với phần thứ mười trong Phẩm Phương Tiện ở trên nói “các ông chớ có nghi, ta là vua các pháp” trở xuống gồm nửa hàng kệ nói rõ sự không hư dối. Nay xét trong thí dụ này tự có ba đoạn: 1. Như Lai trước hết tạo ra thí dụ “không hư dối” để hỏi Xá-lợi-phất; 2. Nói lên Xá-lợi-phất xin đáp lời Như Lai để nói rõ sự không hư vọng; 3. Như Lai thuật lại sự việc cho Xá-lợi-phất nghe để tổng kết sự việc không hư dối. Nay nêu lên Trưởng giả xưa kia vốn hứa cho các con ba thứ xe nhỏ đang để ở ngoài cửa nhưng nay lại bình đẳng cho các con một thứ xe báu lớn thì sự việc này là hư dối hay không hư dối? Đây ngụ ý nói xưa kia khiến chúng sanh tu hành để đoạn trừ phiền não của ba cõi mà trước hứa cho chúng sanh Tận trí và Vô sanh trí ở bên ngoài ba cõi, nhưng nay Phật đều bình đẳng đem quả Phật thọ ký cho chúng sanh. Như việc giáo hóa này là hư vọng hay chẳng phải hư vọng? “Xá-lợi-phất nói” trở xuống tức nêu lên Xá-lợi-phất đáp lại lời Phật để nói rõ nghĩa không hư dối.

Nay căn cứ trong phần đáp này tự có hai đoạn: 1. Nói “không phải như vậy, thưa Thế Tôn!” là tổng quát nói rõ ông Trưởng giả ấy không có hư dối; 2. Nói rõ nghĩa không có hư dối. Trong đoạn thứ hai này tự có ba ý: 1. Nói rõ lấy nặng bỏ nhẹ nên không có hư dối; 2. Riêng nói rõ xứng hợp bản tâm không có hư dối; 3. Nói rõ vượt quá điều mong cầu xưa kia mà không có hư dối. Trong ý thứ nhất vốn có ba phần: 1. “Nếu ông Trưởng giả ấy chỉ khiến các con thoát khỏi nạn lửa để bảo toàn thân mạng thôi cũng chẳng hư dối” gồm một câu nói lên việc lấy nặng

bỏ nhẹ nhưng không hư dối; 2. “Vì cố sao? nếu bảo toàn thân mạng” trở xuống là giải thích sự việc giữ gìn thân mạng là quan trọng còn các thứ tài vật thì trở thành thứ yếu. “Nhưng Trưởng giả này từ bi khiến các con thoát khỏi khổ bị lửa thiêu đốt để bảo toàn thân mạng thì không mang tội hư dối nặng huống hồ lại lấy các tài bảo nhẹ mà so sánh” tức nói lên hóa Phật nếu không dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh thì chúng sanh hoặc khởi lên phiền não mà đoạn diệt thiện căn của Đại thừa. Do Như Lai dùng phương tiện dẫn dụ giáo hóa nên khiến trí nguyện và thiện căn của Đại thừa không đoạn không dứt tuyệt, nhờ vậy tuệ mạng quan trọng được bảo toàn, huống hồ chỉ là quả nhỏ nhẹ nhàng; 3. “Huống lại dùng phương tiện, ở trong nhà lửa kia, mà cứu thoát chúng” tức là tổng kết nghĩa không hư dối. Điều này muốn nói rõ Như Lai thiết lập giáo Tiểu thừa làm căn bản là vì muốn cho chúng ta nhân quả của Đại thừa, ngày nay chúng ta đã hiểu rõ Đại thừa, tức là xứng hợp bản ý của Như Lai ra đời thì sao có hư dối? “Thế Tôn! nếu Trưởng giả này” trở xuống là nói rõ vì xứng hợp bản tâm nên không có hư dối, cũng có ba phần: 1. “Nếu Trưởng giả ấy nhẫn đến không cho một thứ xe nhỏ” trở xuống gồm một câu nói rõ vì xứng hợp bản tâm nên không có hư dối; 2. “Vì sao? Vì Trưởng giả này trước đã có ý nghĩ...” trở xuống là giải thích rõ phương tiện hóa độ chúng sanh bản tâm Phật không muốn cho pháp Tiểu thừa; 3. “Vì nhân duyên ấy” trở xuống là phần tổng kết. Từ “huống gì Trưởng giả tự biết tài vật của mình có vô lượng nên muốn làm lợi ích cho các con mà đồng cho xe lớn” trở xuống là nói lên chỗ vượt quá mong cầu thuở xưa không có hư dối. Chỗ nói vượt quá sự mong cầu chính là như trước đó hứa cho người đổ đầu bàn cây nhưng sau khi người này đổ đặt lại cho bàn ngọc. Vậy xưa hứa cho cây nay lại được ngọc thật sự trái ngược nhau tức là có hư dối. Nhưng nay nặng bỏ xưa nhẹ tức trở thành không có hư dối. Thuở xưa hứa cho Tận trí và Vô sanh trí thoát khỏi ba cõi nhưng nay đã ra khỏi ba cõi lại được thọ ký đạt đến nhất thiết chủng trí của Phật há chẳng phải vượt hơn chỗ mong cầu! “Phật bảo Xá-lợi-phất” trở xuống là nói lên thuật lại sự việc cho Xá-lợi-phất biết để tổng kết sự việc không có hư dối “Xá-lợi-phất, Như Lai cũng lại như vậy” chính là dùng thí dụ để nói pháp.

Trong Văn Trường hàng, vốn có hai đoạn: 1. Khai mở thí dụ đã trình bày xong; 2. Từ đây trở xuống đến phần Văn Trường hàng là đoạn hợp thí dụ. Nhưng trong phần khai mở thí dụ ở trên vốn có mười thí dụ. Nay trong đoạn hợp thí dụ lại chỉ có bảy thí dụ, lược bớt không hợp thí dụ thứ sáu tức Trưởng giả hoan hỷ, thí dụ thứ bảy tức các con đòi xe và

thí dụ thứ chín các con đã có được xe cho nên hoan hỷ. Sở dĩ như vậy là vì các con đã ra khỏi nạn khiến cha vui vẻ cho nên hợp lại nghĩa thứ năm và nghĩa thứ sáu và hợp lại hai nghĩa thứ sáu và chín. Do Trưởng giả đã ban xe cho các con tại sao không vui! cho nên biết hợp nghĩa thứ tám kèm luôn nghĩa thứ chín. Sở dĩ không hợp thí dụ thứ bảy là vì nghĩa này nay không còn quan trọng nữa. Làm sao biết được? vì thí dụ thứ bảy tức “chỗ mong cầu xe của các con” là giáo phương tiện xưa kia. Nếu mê hoặc đã diệt mất thì sao gọi là cốt yếu! do đó lược đi mà không hợp thí dụ nữa. Nay hợp bảy thí dụ này theo văn kinh thì thành sáu đoạn. Tại sao như vậy? Do thí dụ thứ năm và thứ tám đều hợp thành một đoạn cho nên thành sáu đoạn. Nay trước tiên hợp thí dụ thứ nhất tức “chủ nhà” cũng gọi là thí dụ tổng. Nhưng trong thí dụ ở trên vốn có sáu nghĩa. Nay trong đây chỉ hợp thí dụ thứ nhất tức nói rõ nghĩa chủ nhà kèm luôn năm nghĩa khác. Nhưng việc nói rõ nghĩa chủ nhà ở trên gồm có ba đoạn: Nói lên danh dự, địa vị chỗ ở của Trưởng giả; nêu lên con người Trưởng giả; khen ngợi đức của Trưởng giả. Nay nói “Như Lai cũng lại như vậy” là trước tiên hợp thí dụ thứ hai nêu ra Trưởng giả tức câu nói “có một đại Trưởng giả” “Đây là cha của tất cả thế gian” gồm một câu tức hợp nói tên, địa vị và chỗ ở của Trưởng giả. Ở trên nói “nước thành ấp, xóm làng” ba loại nhưng nay gồm một câu để tổng hợp. “hàm linh hữu tình cũng là thế gian, mười phương thế giới cũng là thế gian” tức nói lên chỗ giáo hóa ở cõi Ta bà cũng là thế gian.

“Ở nơi các sợ hãi” trở xuống tức hợp thí dụ thứ ba “khen ngợi đức của Trưởng giả” Phần mở thí dụ ở trên gồm có ba ý: 1. Nêu lên có đức ở bên trong; 2. Nói rõ có đức ở bên ngoài; 3. Nêu lên quyến thuộc. Nay chỉ nói lên ý thứ nhất và thứ hai mà không hợp nói lên ý thứ ba. “Ở nơi các sợ hãi” trở xuống là nói rõ đức ở bên trong của Như Lai từ “đại từ đại bi” trở xuống đến “Tam bồ-đề” là nói rõ đức hóa độ bên ngoài của Như Lai. Lại nữa, trong hai ý này mỗi ý có hai phần. Đức ở bên trong có hai phần nghĩa là: 1. Khen ngợi Đoạn đức của Như Lai đầy đủ. Sợ hãi là quả, còn vô minh che tối là nhân. Do đã diệt trừ nhân quả ấy nên đoạn đức hiển bày đầy đủ; 2. Từ “nhưng thấy thành tựu” trở xuống đến “trí tuệ Ba-la-mật” là nói rõ sự khen ngợi trí tuệ và công đức viên mãn. “đại từ, đại bi” trở xuống là hợp nói lên đức giáo hóa chúng sanh của Như Lai. Trong phần này có hai ý: nói rõ bản nguyện xưa, nói rõ tích hiện nay. Nay nói đại từ chính là nêu rõ sự giáo hóa bên ngoài. Trong bản nguyện xưa lại có hai phần. Đại từ, đại bi là chương môn và hai câu sau tức là giải thích về chương môn này. “Thường không mỗi một” là

giải thích hai chữ “Đại bi” còn “Thường cầu làm lợi ích cho tất cả chúng sanh” là giải thích hai chữ “đại từ”. Đây “Tâm bi” muốn cứu khổ nên nói là thường không mỗi một; “Tâm từ” muốn đem an vui cho chúng sanh nên nói là “hằng cầu lợi ích” “Nhưng sanh trong ba cõi” trở xuống đến “lửa ba độ” là nói thị hiện tích ngày nay, trước nói bạt trừ khổ não của tâm đại bi. Kế đến “giáo hóa khiến được Bồ-đề” là nói rõ sự ban bố an vui của tâm đại từ. Nghĩa này kiêm luôn năm nghĩa còn lại. Nói “nhưng sanh trong nhà lửa ba cõi, cũ mục” tức là nghĩa “nhà lửa” thứ ba. Lại nói “vì độ chúng sanh” tức kiêm luôn nghĩa thứ tư “năm trăm người” và nghĩa thứ sáu “Ba mươi người con”. Lại nói “lửa sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não” tức là kiêm luôn nghĩa thứ năm “lửa ở trong nhà”. Lại nói “giáo hóa khiến được tam bồ-đề” tức là kiêm luôn nghĩa thứ ba “một cửa”. Do vậy, tuy chính nói nghĩa “Trưởng giả” nhưng lại hợp kiêm luôn cả năm nghĩa khác cho nên cũng một nghĩa mà bao hàm tất cả.

